TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Đường về Xứ Phật - Tập 3 (Phần 2/3)

ISSN: 2734-9195 10:23 12/09/2024

Giới luật như chiếc chìa khóa để mở cửa thiền định, người tu sĩ cũng như người cư sĩ tu tập thiền định mà không giữ gìn giới luật thì không bao giờ bước vào cửa thiền định được. Thiền định của Phật giáo chỉ giành cho những người giới luật nghiêm chỉnh.

Đường về Xứ Phật - Tập 3 (Phần 2/3)



BỒ TÁT QUAN ÂM DO TƯỞNG SAO CÓ SỰ LINH THIÊNG?

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Bồ Tát Quan Thế Âm do tưởng mà có, nhưng cũng có sự linh thiêng và cứu độ? Xin Thầy giảng cho chúng con được hiểu.*

Đáp: Chính vì người ta thấy những bóng ma phảng phất, những sự linh thiêng của những nhân vật tưởng tượng nên thế giới siêu hình mới có. Không ai giải thích được những hiện tượng kỳ lạ đó, do đâu mà có, khoa học cũng đành bó tay. Chỉ có những người nhập được chánh định, vượt qua cảnh giới hữu sắc và vô sắc tức là vượt qua các loại định tưởng thì mới thấy được thế giới siêu hình rõ ràng và sự linh thiêng đó do đâu mà có.

Thân chúng ta gồm năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

- Sắc là thế giới hữu hình.
- Tưởng là thế giới vô hình.

Người ta hiểu tưởng là do sự tưởng tượng. Tưởng ở đây không phải là tưởng tượng, là tưởng ấm cũng như sắc ấm vậy, chứ không phải sự tưởng tượng. Sắc ấm có cảnh giới của sắc ấm như: nhà cửa, cây cỏ, vạn vật, cầm thú, vạn hữu, v.v.. thì cảnh giới tưởng ấm cũng vậy nó chỉ khác là vô sắc. Vì nó là hình ảnh bóng dáng theo khuôn mẫu của thế giới sắc ấm (hữu hình), nó cũng giống như cây cổ thụ kia, hình và bóng của nó. Cây là thế giới hữu hình, còn bóng của nó là thế giới siêu hình, cho nên cây không có thì bóng cũng không có. Vì thế, thân người mất thì linh hồn người cũng không còn.

Cảnh giới hữu hình và siêu hình của một người nó theo nhau như hình với bóng. Phước đến thì nó hiện ra giải nạn do một niềm tin ở vị Thần, Thánh nào đó, ngược lại người đó không tin Thần, Thánh thì nó khiến người đó lỡ tàu, lỡ xe để thoát nạn.

Đồng thời mọi người cùng thấy ở một góc độ nào đó, thì đó là do cộng nghiệp và do lòng tin, nhưng nó còn tùy ở tưởng ấm hoạt động giao cảm mạnh hay yếu.

Người tu tập thiền định, trạng thái tưởng xuất hiện kỳ lạ, nếu không có thiện hữu tri thức thì không thể nào ngồi yên nổi để tu. Trường hợp đó người tu nào cũng đều cho đó là thế giới oan hồn đến phá. Thấy một tảng đá, hoặc một người ngồi giữa đường, người lái xe lạc tay lái, gây tai nạn, đó là nghiệp ác đến, tưởng ấm xuất hiện ra. Một người té xuống sông, có cảm giác như có người lôi họ xuống nước, đó là nghiệp ác lôi họ xuống, nhờ tạo thiện nên có người cứu thoát họ.

Luật nhân quả nghiệp báo sử dụng sắc ấm và tưởng ấm rất là vi diệu mà loài người không thể lường được.

Hàng ngày, một người không tu tập và không trau dồi thân tâm bằng thiện pháp, nhân quả nghiệp báo sai sắc ấm của họ làm những điều tội ác mà họ

không hề hay biết, đến khi tội khổ thì họ lại than trời trách đất, đi cầu khẩn Thần, Thánh gia hộ.

Còn nhân quả nghiệp báo sai tưởng ấm của họ gây tai họa hoặc cứu họ thoát chết thì họ cho oan hồn, quỷ ma tác họa, ngược lại được phước báo thì cho là Thần Thánh, chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ bình an.

Mọi người sống trong thế giới đối đãi mà không thấy đối đãi. Sống trong thế giới nhân quả mà không thấy nhân quả.

Con người từ nhân quả sanh ra, chết đi về nhân quả, lại không thấy, cho rằng có những linh hồn người chết, có những Thần, Thánh, quỷ, ma. Cho nên Đức Phật dạy: ***"Con người là thừa tự nhân quả".*** Đã thừa tự nhân quả thì làm sao có ma được? Có thế giới linh hồn người chết được?

Tất cả các tôn giáo khác đều không vén màn vô minh này, nên tôn giáo nào cũng xây dựng thế giới siêu hình có thật. Và vì thế, cuộc đời này đã làm mất đi sự công bằng và công lý của loài người.

Người ta theo các tôn giáo thì được cứu rỗi, được gia hộ; còn ai không theo tôn giáo thì chẳng được ai cứu rỗi và gia hộ cả. Như vậy có bất công không? Chỉ có Phật giáo dám xác định thế giới siêu hình khách quan không có, mà có thế giới siêu hình chủ quan do từ tưởng ấm lưu xuất. Khi một người còn sống thì có, nhưng khi đã chết thì không có. Vì thế, đức Phật cả quyết xác định thế giới siêu hình là do tưởng tri sản xuất sanh ra chứ không có thế giới thật: ***"Tưởng tri chứ không phải Liễu tri".***

CÓ CÕI TRỜI KHÔNG?

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trời có phải là một trong sáu nẻo luân hồi, nếu làm thiện tương xứng sẽ sanh ở đó. Trong kinh có nói 18 tầng trời hoặc 36 cõi trời. Xin Thầy chỉ cho con rõ?*

Đáp: Sáu nẻo luân hồi chỉ là một sự diễn biến nhân quả nghiệp báo, do con người và chúng sanh vì vô minh tạo ra mà phải gánh chịu.

Mười tám tầng trời chỉ cho 18 trạng thái thiện.

Ba mươi sáu cõi trời chỉ cho ba mươi sáu pháp thiện.

Ví dụ: Thầy nhập Sơ Thiền tức là Thầy đã ở cõi Sơ Thiền Thiên, nhập Không vô biên xứ tưởng tức là Thầy đã ở cõi Không vô biên xứ Thiên, nhập nhẫn nhục tức

là Thầy đã ở cõi Đâu suất Thiên... Như vậy có phải đợi chết rồi mới sanh về đó đâu? Chỉ cần thực hiện diệt một ác pháp, tăng trưởng một thiện pháp là sanh vào cõi trời đó ngay liền, nhưng con phải hiểu thiện pháp có rất nhiều, nên có 33 cõi thiện pháp mà trong kinh gọi là 33 cõi trời, 33 cõi trời tức là 33 trạng thái thiện pháp.

Đó là một trạng thái giải thoát của tâm, khi tâm đã đạt mức độ thiện ở đó, thì tương xứng với cảnh giới Thiện ở đó. Có hiểu được như vậy mới hiểu được đạo Phật.

Dù cho có các cõi Trời thật sự đi nữa mà tâm chẳng thiện thì cũng chẳng có ích lợi gì cho chúng ta, phải không hỡi con ?

Dù cho không có các cõi Trời đi nữa, mà tâm chúng ta sống trong thiện pháp thì tâm chúng ta cũng được an vui, hạnh phúc như thường. Và như vậy, không phải sống trong cõi Trời sao? Chứ đâu phải chết mới được sanh về đó. Chết được sanh về cõi trời đó là một ảo tưởng, một giấc mộng mơ hồ của những người thiếu óc thực tế khoa học, vô minh không sáng suốt bị các tôn giáo lừa đảo.

Sống đang ở trong cõi Trời thì chết về đâu các con có biết không? Hỏi tức là trả lời. Do thế ngay từ trong cảnh sống ở thế gian mà người nào biết ngăn ác, diệt ác pháp thì người ấy đang sống trong Thiên Đàng chứ không phải Thiên Đàng ở cõi giới nào cả.

Thế giới siêu hình Thiên Đàng là do các tôn giáo dựng lên, chỉ là một cảnh giới do tưởng ấm sanh ra, để an ủi tinh thần của những người yếu đuối đang gặp khổ đau tai nạn, để nuôi hy vọng làm thiện được sanh về đó...

Người tu sĩ đạo Phật vì thấu rõ nhân quả nghiệp báo, nên tự lực cứu mình bằng cách sống trong thiện pháp: ***"Các con hãy tự thắp đuốc lên mà đi"***. Đây là lời kêu gọi thiết tha do lòng đại từ bi của đức Phật đối với chúng ta.

Nói đến thế giới thì chúng ta phải nói đến sự duyên hợp, có nhiều duyên hợp lại mới thành thế giới, vì thế một thần thức (thức ấm) đơn độc không thể là thế giới được. Vì thế giới hữu hình không có thì thế giới siêu hình và linh hồn cũng không có.

Ví dụ: Chúng ta lấy một cây cột mà bảo rằng là cái nhà thì không thể được, vì cái nhà phải có nhiều duyên hợp lại như: cột, kèo, cửa sổ, cửa cái, vách, đòn tay, ngói gạch hợp lại thì mới gọi là cái nhà được.

Tóm lại, thế giới siêu hình không có mà chỉ có những trạng thái, từ trường thiện, ác pháp của nhân quả đang phóng xuất theo thân hành, khẩu hành và ý hành

của sự vận hành nhân quả.

CHÁNH KIẾN

Câu hỏi của Từ Tuệ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Con kính trình Thầy những vấn đề con nhận thức được sau thời gian được Thầy chỉ dạy và cả những câu hỏi xin Thầy giảng dạy để con thấu hiểu hơn.*

1- Thầy dạy câu: "Chỉ có tâm ly dục mới hiểu được mình, được người bằng chánh kiến". Con đã suy tư và nhận thấy:

Tâm không ly dục ly ác pháp là tâm còn vẩn đục, đen đúa, ví như cái kiếng đen mà còn bị chà xước làm sao thấy được người đúng như thật. Tâm ly dục là tâm trong sáng như pha lê, thấy người như thật có và thấy mình như thật có. Con nghĩ như vậy có đúng không thưa Thầy?

Đáp: Đúng vậy, con đã hiểu những lời Thầy dạy, mặc dù các kinh có giải thích về Chánh kiến; thấy thân, thọ, tâm, pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã; thấy 12 nhân duyên hợp là thế giới khổ; thấy 12 nhân duyên rã là hết khổ; thấy thân ngũ uẩn không phải là ta, không phải của ta, không phải tự ngã của ta. Thấy biết đúng như vậy gọi là Chánh kiến. Chánh kiến ở đây là giải nghĩa Chánh kiến, chứ không phải Chánh kiến trong Bát Chánh Đạo. Vì Chánh kiến trong Bát Chánh Đạo là lớp học đầu tiên của Phật giáo trong tám lớp.

Tuy dựa theo các kinh để hiểu biết, nhưng không phải như vậy, vì thế tâm vẫn còn chấp ngã, tham, sân, si vẫn đầy dẫy thì làm sao gọi là ***"Chánh kiến"*** được, chỉ khi nào tâm ly dục ly ác pháp thì mới thấy thân, thọ, tâm, pháp, vô thường, khổ, không, vô ngã như thật (Chánh kiến).

Tóm lại, khi nhìn thấy hình sắc xấu, tốt cũng như khi nghe âm thinh thuận tai, chướng tai, khi cảm giác êm ấm, thoái mái dễ chịu, khi ngửi một mùi thơm hay thối đều không có chướng ngại thân tâm thì đó là Chánh kiến; khi lục căn tiếp xúc lục trần không dính mắc là Chánh kiến, tức là một sự hiểu biết mà không có khổ đau, đó là Chánh kiến.

Một sự hiểu biết mà không có sự dối trá, gian xảo, không có sự lừa đảo, lường gạt, không có sự phi đạo đức thì đó là Chánh kiến.

Một sự hiểu biết mà không có ảo tưởng, trừu tượng, không có tưởng tri thì đó là Chánh kiến.

Ví dụ: Không có thế giới siêu hình mà cho rằng có, là không phải Chánh kiến. Không có Cực Lạc, Tây Phương, không có Thiên Đàng mà cho rằng có, là không có Chánh kiến.

Không có thần thức, không có linh hồn, không có Phật tánh, không có đại ngã, không có tiểu ngã, không có bản thể vạn hữu mà cho rằng có, đó là không có Chánh kiến.

Chánh kiến nơi đâu thì nơi đó có đời sống giới luật, nơi đâu có đời sống giới luật thì nơi đó có Chánh kiến. Nơi đâu sống đời sống phạm giới, phá giới thì nơi đó không có Chánh kiến.

Nơi đâu có Chánh kiến thì nơi đó có tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự. Và vì vậy, nơi đó có sự giải thoát của đạo Phật.

SAU KHI NHẬP DIỆT CHƯ PHẬT CÒN TRỞ LẠI THẾ GIAN NỮA KHÔNG?

Câu hỏi của Từ Tuệ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni và các vị Phật xưa kia, sau khi nhập diệt từ bỏ xác thân có trở lại thế gian nữa không?*

Đáp: Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni sau khi nhập diệt từ bỏ sắc thân không còn trở lại thế gian nữa.

Trong kinh Nguyên Thủy thuộc tạng kinh A Hàm, Đức Phật Thích Ca đã xác định điều này rất rõ ràng. ***"Ta chỉ còn một kiếp này nữa thôi".*** Tại sao Phật không tái sanh lại cõi thế gian này nữa?

Chư Phật không tái sanh lại cõi thế gian này nữa, vì cõi thế gian đầy rẫy các ác pháp, con người trên thế gian này có việc gì thì ăn thua đủ, không biết nhẫn nhịn, hung dữ, chửi mắng, mạt sát lẫn nhau, gian xảo, lừa đảo, điêu ngoa, xảo quyệt, giả dối, nhiều chuyện, gian ác, hiểm độc, v.v..

Phật không dám tái sanh lại cõi thế gian này nữa, là vì khí hậu thời tiết khắc nghiệt, lúc nắng, lúc mưa, gió bão bất thường, lại thêm bão lụt, động đất, thủy tai, hỏa hoạn, giặc giã, trộm cướp, giết người chẳng chút lòng xót thương, v.v..

Phật không dám tái sanh lại cõi thế gian này nữa, là vì mang thân tứ đại này giống như ở tù chung thân đi đâu cũng không được tự tại, tự do rất là khổ sở.

Phật không dám tái sanh lại cõi thế gian này nữa là vì tâm Phật hết tham, sân, si. Tâm Phật hết tham, sân, si thì không còn tương ưng với chúng sanh thì không thể nào tái sinh lại được, dù Phật muốn sinh làm người lại nhưng không làm sao được nữa.

Phật không dám tái sanh lại cõi thế gian này nữa, là vì mang thân tứ đại này như ở trong ổ bệnh, nóng nực quá chịu không nổi, lạnh quá chịu cũng không xong, mỗi mỗi đều có thể xảy ra gây thương tích làm đau nhức không xiết kể. Thân tứ đại lại vô thường nên thường xảy ra bệnh tật, khi bệnh tật thì khổ đau vô cùng, vô tận. Vì thân tứ đại vô thường, nên không tránh khỏi sự già nua, mà hễ già nua thì tay chân run rẩy, đi đứng không vững vàng, thì thật là khổ sở vô cùng. Vì thân tứ đại vô thường nên sự hoại diệt chắc chắn phải đến, đến trong sự đau khổ tử biệt sanh ly.

Cho nên, khi một đức Phật nhập diệt không tránh khỏi cả một trời đau thương phải không hỡi các con?

Khi còn là một học Tăng, Thầy đọc kinh Niết Bàn, trước giờ phút đức Phật nhập diệt cả Trời Người đều khóc thương thảm thiết, khiến Thầy cũng xúc động khóc theo. Đây không phải là sự đau khổ tận cùng của sự chia ly hay sao?

Cho nên, đức Phật ra đi, bỏ báo thân này thì không bao giờ trở lại làm thân người nữa, không phải chư Phật sợ khổ đau làm thân chúng sanh, mà chính duyên chúng sanh đã hết. Nếu còn duyên với chúng sanh thì đức Phật không bao giờ nhập Niết Bàn, Ngài sẽ phục hồi sự sống rất dễ dàng, muốn sống bao lâu cũng được. Trong kinh Niết Bàn đã nói điều này rất rõ ràng.

Hết duyên với chúng sanh, có nghĩa là duyên nhân quả đã hết. Mục đích của một người tu theo đạo Phật là phải trả sạch nhân quả, có nghĩa là không còn nợ nhân quả; không còn nợ nhân quả tức là một người sống toàn thiện, vì sống toàn thiện là thoát khổ, cho nên không còn nghiệp lực nhân quả đi tái sanh; không còn nghiệp lực nhân quả đi tái sanh, thì lấy cái gì để đi tái sanh, cái đi tái sanh đã bị diệt rồi và nợ nhân quả cũng hết rồi thì còn duyên nghiệp gì, để Phật đi tái sanh nữa.

Mục đích phải đạt của một vị tu sĩ là tu thành Phật, thành Phật để chấm dứt duyên nghiệp tái sanh luân hồi. Khi chấm dứt rồi thì còn lấy cái gì đi tái sanh. Mầm tái sanh đã bị diệt ngay từ lúc hướng tâm đến Lậu Tận Minh.

Mầm tái sanh làm người đã dứt thì nợ nhân quả đã hết, nợ nhân quả đã hết thì duyên chúng sanh đã hết, duyên chúng sanh đã hết, thì dù có muốn tái sanh cũng không làm ích lợi cho con người. Vì hết duyên, có thuyết giảng, có dạy đạo

chúng sanh cũng chẳng nghe.

Ví dụ: Hiện giờ đức Phật Thích Ca Mâu Ni có tái sanh trở lại dạy người tu hành thì người ta vẫn phỉ báng rằng đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy pháp điên, dạy lỗi thời, dạy không đúng giáo pháp Đại Thừa và Thiền Đông Độ, dạy cho những người sơ cơ còn có chứng, có đắc, còn pháp môn hiện giờ vô chứng, vô đắc, tự tại, vô ngại đói ăn, khát uống, không chấp giới luật.

Do những điều trên đây mà chư Phật nhập diệt rồi thì không bao giờ trở lại cảnh giới thế gian này nữa.

KHI NHẬP DIỆT ĐỨC PHẬT ĐÃ TRỞ THÀNH SÓNG ÁNH SÁNG?

Câu hỏi của Từ Tuệ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Có phải các vị Phật đã trở thành ánh sáng (sóng ánh sáng). Ánh sáng này mang năng lượng tỉnh giác, trí tuệ, không phải ánh sáng do mặt trời chiếu?*

Đáp: Khi nhập diệt, bỏ sắc thân này tức là chấm dứt tái sanh luân hồi, chấm dứt tái sanh luân hồi tức là chấm dứt sự đau khổ của muôn vạn kiếp làm chúng sanh.

Khi chấm dứt tái sanh luân hồi, thì không trở thành ánh sáng (sóng ánh sáng), mang năng lượng tỉnh giác trí tuệ.

Khi vào Niết Bàn bỏ xác thân này, thì chư Phật luôn luôn lúc nào cũng ở trong trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự, chỗ tâm không còn ái dục. Lúc còn sống khi tu xong chư Phật đều ở trong Niết Bàn này, cho đến khi chết thì trạng thái này vĩnh viễn không bao giờ mất. Chứ không trở thành sóng ánh sáng như người khác tưởng mà là một từ trường trong muôn vạn từ trường khác nhưng nó lại thanh thản, an lạc và vô sự.

Trong không gian có một từ trường thanh thản, an lạc và vô sự, vì thế người tu hành giữ gìn tâm không phóng dật là ở trạng thái từ trường đó, nên tâm chúng ta và từ trường đó là một. Nếu trong không gian mà không có từ trường đó, thì chúng ta không tu tập có được tâm thanh thản, an lạc và vô sự.

Cũng như có tứ đại bên ngoài, thì thân tứ đại của chúng ta mới tồn tại, hay nói cách khác cho hiểu rõ ràng hơn. Có tứ đại bên ngoài thì mới nuôi sống thân tứ đại của chúng ta. Nếu bên ngoài không có tứ đại, thì thân tứ đại của chúng ta cũng không có.

Cho nên, trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự bên ngoài không có thì tâm chúng ta cũng không giữ gìn được thanh thản, an lạc và vô sự.

Vì thế, khi một đức Phật đã nhập Niết Bàn thì không bao giờ trở lại tái sanh đời này nữa, chỉ có những người tu chưa xong nên còn mầm tái sanh và nợ nhân quả chưa dứt, tức là còn duyên với chúng sanh. Còn duyên với chúng sanh tức là còn tâm tham, sân, si. Còn tâm tham, sân, si tức là còn tương ưng với chúng sanh, vì chúng sanh còn tâm tham, sân, si. Do đó, còn đi tái sanh luân hồi, làm con của những người khác. Thật là khổ đau vô cùng, vô tận từ kiếp này đến kiếp khác.

CÓ PHẢI PHẬT LÀ TRÍ TUỆ CỦA MỘT VỊ MINH SƯ KHÔNG?

Câu hỏi của Từ Tuệ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Có phải Phật là trí tuệ của vị Minh sư, vị A La Hán đang tại thế không?*

Đáp: Đúng vậy, Phật là trí tuệ của vị Minh sư, vị A La Hán đang tại thế.

Nhưng phải biết phân biệt vị Minh sư và vị A La Hán là bậc sống đúng giới hạnh (Phạm hạnh), không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào. Chính những bậc này là trí tuệ của Phật, của bậc A La Hán. Vì thế, Phật là trí tuệ của họ.

Vì đức Phật đã xác định trí tuệ ở đâu là giới luật ở đó, giới luật ở đâu là trí tuệ ở đó. Cho nên, Phật là trí tuệ của vị Minh sư, nhưng vị Minh sư sống phạm giới, phá giới thì vị Minh sư ấy không phải là trí tuệ của Phật, họ chỉ là một học giả mà thôi.

Phật tử chỉ cần xét vị Minh sư của mình qua giới luật của Phật, thì sẽ rõ thấu vị Minh sư hay là vị ám sư, nếu là Minh sư thì giới luật nghiêm chỉnh, còn ám sư thì phạm giới, phá giới, thường sống trong chùa to Phật lớn; sống theo dục lạc thế gian; sống như người giàu sang thế tục; sống ăn uống phi thời; sống cất giữ tiền bạc, châu báu, ngọc ngà; sống xem tivi, ca hát, nhạc kịch, phim ảnh, v.v.. Đó là những vị ám sư chứ không phải Minh sư.

Vị Minh sư luôn luôn lúc nào cũng lấy giới luật làm hạnh sống của mình, lấy giới luật làm thước đo tâm ly dục ly ác pháp của mình, lấy giới luật làm tiêu chuẩn xét lại tâm mình có định hay chưa có định, lấy giới luật làm bản đồ, để chỉ hướng đến con đường giải thoát, mà không sợ lạc lối, không sợ lầm đường; lấy giới luật để làm ngọn đuốc sáng cho mọi người soi. Vì thế, mỗi ngày tu là nghiệm thấy kết quả giải thoát ngay liền.

ÁNH SÁNG TRÍ TUỆ

Câu hỏi của Từ Tuệ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Vị Minh sư tỏa sáng đều khắp cho chúng sanh. Chúng sanh nào có tâm ly dục trở nên trong sáng sẽ được hưởng ánh sáng nhiều và ngược lại.*

Đáp: Vị Minh sư luôn tỏa ánh sáng trí tuệ đều khắp cho chúng sanh. Chúng sanh nào có đủ duyên với Phật pháp, nên khi gặp được ánh sáng trí tuệ đó, liền đặt trọn lòng tin kiên cố ở vị Minh sư, nhiệt tâm thực hiện lời dạy của Người, sống đúng, tu tập đúng, nhờ đó tâm ly dục ly ác pháp. Ngày ngày tâm trở nên trong sáng hơn và thụ hưởng áng sáng trí tuệ đó nhiều hơn.

Ánh sáng trí tuệ Phật luôn luôn tỏa khắp trong không gian, như không khí mà quý vị đang hít thở, nếu quý vị khởi một niệm thiện pháp thì ánh sáng đó trở thành trí tuệ của quý vị, tức là quý vị đang hành động một đạo đức nhân bản không làm khổ mình, khổ người.

Vì thế, kẻ nào sống trong thiện pháp biết ngăn ngừa ác pháp, là đang sống trong trí tuệ của Phật, trí tuệ của vị Minh sư, ngược lại sống không biết ngăn ác, diệt ác pháp, sống phạm giới, phá giới là sống xa lìa trí tuệ Phật, không hưởng được ánh sáng của vị Minh sư, tức là sống xa lìa sự giải thoát của đạo Phật.

Phật lúc nào cũng sống bên chúng sanh, còn chúng sanh thì lúc nào cũng sống xa Phật. Tại sao vậy?

Vì chúng sanh thường sống trong ác pháp, còn Phật thì sống trong thiện pháp. Nếu chúng sanh biết sống trong thiện pháp thì đó là trở về với Phật, còn chúng sanh sống trong ác pháp, là xa lìa Phật, dù muốn gần Phật cũng không được, dù hết lòng cầu khẩn cũng không được.

Cho nên, đạo Phật rất đơn giản nhưng người không biết tu tập sai pháp như: ngồi thiền, tụng kinh, niệm Phật, niệm chú, bắt ấn, đọc thần chú, bái sám, lạy hồng danh chư Phật, cầu an, cầu siêu, v.v.. đều là những việc làm đi ngược lại với Phật giáo. Gây tạo ra nhiều màu sắc mê tín, dị đoan, ảo giác, trừu tượng... Phần nhiều sống trong ảo mộng. Xét lại, tất cả các tôn giáo hiện có mặt trên hành tinh này đều có sự giống nhau, không rơi vào hình thức mê tín này, thì lại rớt vào hình thức mê tín khác. Đó là vì chịu ảnh hưởng chung trong một bối cảnh siêu hình của tưởng tri.

Vì thế, khi đức Phật nhập diệt các tu sĩ ngoại đạo cố gắng lồng thế giới siêu hình vào đạo Phật, để biến Phật giáo giống như các tôn giáo khác, để dễ bề chúng

phát triển thế giới siêu hình.

Nếu đạo Phật giẫm lại lối mòn của các tôn giáo khác, thì đạo Phật không còn ý nghĩa tự lực của đạo giải thoát nữa.

Nhìn chung toàn bộ kinh sách Đại Thừa đều là một kho giáo lý góp nhặt những tưởng tri của các nhà triết học tôn giáo và thế tục.

Lý luận nghe rất siêu, nhưng áp dụng vào đời sống con người thì ích lợi không bao nhiêu mà tai hại thì rất nhiều.

DIỆT NGÃ

Câu hỏi của Từ Tuệ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Thầy dạy: "Đạo Phật là Đạo diệt ngã". Con hiểu rằng muốn diệt ngã là phải tu đức nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng là để không gặp đối kháng trong đời, để khỏi hao phí lực.*

Đáp: Đúng vậy, con đã hiểu đúng ý Thầy dạy phần thứ nhất (không hao phí lực).

Phần thứ hai: nhẫn nhục là tu tâm từ bi; tùy thuận là tu tâm xả; bằng lòng là tu tâm hỷ. Do thế tâm hồn con mới được an lạc thanh thản và giải thoát.

Phần thứ ba: nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng là giúp con tu tập ly dục, ly các ác pháp; ly dục ly các ác pháp, tức là diệt ngã. Cho nên, người tu sĩ không ly dục ly ác pháp, thì không bao giờ diệt ngã được, nhưng ly dục ly ác pháp phải có những pháp hành đúng đắn, nếu không có pháp hành đúng đắn thì sẽ bị phí sức, đôi khi còn lạc vào thiền ức chế tâm, đã không có được giải thoát mà còn sanh bệnh tật rất nguy hại và hiểm nghèo.

Sự tu tập theo Phật giáo phải có thiện hữu tri thức (người đã tu xong), hướng dẫn thì sự tu tập diệt ngã xả tâm không có phí sức.

Bởi vì, tu theo giáo pháp của đức Phật, rất nhẹ nhàng, không có khó khăn không có mệt nhọc, không có phí sức.

Còn tu sai không đúng pháp thì phí sức nên sanh ra lười biếng, hôn trầm, thùy miên, trạo cử, mệt nhọc, tinh thần thiếu sáng suốt, lờ đờ, không tỉnh giác, hay quên trước, quên sau, lẫn lộn, v.v..

Còn tu đúng pháp thì thân tâm nhẹ nhàng, an lạc, thoái mái, dễ chịu, thích tu, siêng năng tinh tấn, không lười biếng, nhất là lúc nào tâm hồn cũng thanh thản,

an lạc, hân hoan và vô sự.

Tu đúng pháp thì sức khỏe dồi dào, ít bệnh tật. Tuy rằng, ngày ăn một bữa cơm, không ăn uống lặt vặt, phi thời nhưng sức khỏe không bị tổn giảm.

Cho nên, tu theo pháp của đức Phật liền có sự giải thoát nơi thân tâm, nếu không có giải thoát ngay liền, thì đó là chúng ta đã tu sai, cần nên tu sửa trở lại cho đúng cách.

Người tu theo đạo Phật không sợ lạc lối, không sợ tu sai pháp. Vì đạo Phật xây dựng giáo lý của mình trên nền tảng đạo đức làm người, không làm khổ mình, khổ người. Vì thế, mỗi hành động thân, khẩu, ý đều xuất phát đầy đủ trọn vẹn thiện pháp.

Người sống trọn vẹn đầy đủ thiện pháp, là người hạnh phúc nhất thế gian, do đó không còn sự khổ đau nào xâm chiếm tâm hồn họ được.

Vì vậy khi bắt đầu tu, là phải sống trong thiện pháp, một thiện pháp được sống và tăng trưởng thì một ác pháp được đẩy lui và diệt trừ. Một ác pháp được đẩy lui và diệt trừ, thì ngay đó chúng ta có tìm thấy sự giải thoát không? Chắc chắn là có, như vậy chúng ta tu tập theo Phật giáo làm sao sợ sai pháp được? Làm sao đi lạc lối được? Có tu là có giải thoát, có sống là có đạo đức làm người, không làm khổ mình, khổ người. Phải không hỡi các con?

THIỂU DỤC TRI TÚC

Câu hỏi của Từ Tuệ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Thiểu dục, tri túc như con hiểu là để bớt công sức tạo ra vật chất bồi đắp cho mình và bớt công sức tiêu hao vật chất mà mình thu nhận vào thân.*

Đáp: Đúng vậy, con đã hiểu được phần thứ nhất thuộc về phần tiết kiệm công sức của thân và tâm. Còn phần thứ hai, thứ ba và thứ tư thuộc về tâm khiến cho tâm con buông xả mọi vật chất (các pháp trần), dù trong hoàn cảnh nào, tâm vẫn thấy đủ, đó là cách thức xả tâm, diệt ngã.

1- Phần thứ nhất là tiết kiệm công sức, để vun đắp năng lực cho sự xả tâm, ly dục, ly ác pháp.

2- Phần thứ hai cũng thuộc về tâm, nhờ sống ít muốn biết đủ nên tâm dần dần ly dục, ly ác pháp, không còn ham muốn vật chất thế gian (các pháp), nên lúc nào tâm cũng thanh thản, an lạc và vô sự.

3- Phần thứ ba thiểu dục tri túc là một Thánh hạnh, một đức hạnh buông xả giải thoát mà người phàm phu không thể sống nổi, không thể làm được. Nhất là hạnh thiểu dục tri túc, ba y một bát của một vị Tỳ Kheo đệ tử của đức Phật thì ít có ai sống và làm được.

Nói đến hạnh thiểu dục tri túc là nói đến một tâm hồn trắng bạch như vỏ ốc, phóng khoáng như hư không. Trên đời này, không còn có một vật gì ràng buộc tâm hồn của họ được. Đi hay ở tùy thích, không có chùa to, Phật lớn, không có nhà cao cửa rộng. Nhất là họ đã thoát ra khỏi kiếp nô lệ tiền bạc, vì họ không cất giữ tiền bạc. Trên đời này khó mà có ai sống như họ được. Có như vậy mới gọi là hạnh thiểu dục tri túc, ba y một bát.

Nếu một người tu theo Đạo Phật mà không sống hạnh thiểu dục tri túc, không ba y một bát thì cuộc đời tu hành của những người này không bao giờ tìm thấy sự giải thoát chân thật, dù trong một phút, một giây cũng không có. Tâm hồn họ còn nặng nề và đang bị trói buộc bởi các pháp thế gian (dục và ác pháp).

TỈNH GIÁC

Câu hỏi của Từ Tuệ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo như con hiểu là để quay vào kiểm soát thân tâm, để khỏi bị đời lôi cuốn. Tất cả để bảo tồn năng lượng, năng lực tự chủ, để tới lúc đủ lực vút lên khỏi ngục tù xác thân?*

Đáp: Đúng vậy, con đã hiểu được phần thứ nhất về định lực, còn phần thứ hai, thứ ba và thứ tư để Thầy sẽ giảng rõ cho con hiểu thêm:

- Thứ hai là hạnh lực ***"Cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo",*** đó là giữ gìn hành động thân, hành động lời nói và hành động suy nghĩ, làm cho oai nghi, tế hạnh của con nhẹ nhàng, êm dịu, ôn tồn, nhã nhặn, những hành động đó không thể vô tình, vô ý được. Vì vậy khiến cho các con không làm khổ mình, không làm khổ người khác nữa.
- Phần thứ ba là phần tỉnh thức. Khi có cẩn thận, kín đáo, dè dặt, kỹ lưỡng thì phải có sức tỉnh thức rất cao, nếu không tỉnh giác thì cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo chỉ là danh từ suông.

Như con đã biết, về vấn đề tu tập hàng đầu của đạo Phật là tu tập tỉnh giác, có tỉnh giác mới phát hiện được ác pháp và lòng tham đắm của mình, nếu không tỉnh giác mà nói tu theo đạo Phật thì chỉ hoài công vô ích. Cho nên, sự tu tập tỉnh thức là một vấn đề quan trọng của đạo Phật.

- Phần thứ tư là phần chánh niệm, khi có cẩn thận, dè dặt, kỹ lưỡng, kín đáo thì tâm luôn luôn ở trong chánh niệm, không có tà niệm xen vào, tức là không có niệm ác.

Tuy những danh từ đơn giản nhưng hiểu ra để tu tập, trau dồi thân tâm là một công trình tu tập, mà còn phải biết các pháp hành đúng như pháp của Phật thì mới có kết quả tốt đẹp.

Cho nên, người nào có tánh cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo thì ngoài đời làm ăn cũng dễ thành công, trong đạo tu hành cũng dễ thành tựu viên mãn.

Vì có cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo thì sự tu hành dễ tỉnh thức, các chướng ngại pháp ít xâm chiếm thân tâm. Người cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo mỗi tâm niệm thiện hay ác khởi lên, người ấy dễ nhận thấy được một cách dễ dàng.

Người không có tánh cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo, tánh tình thường thô lỗ, cộc cằn, hung dữ thì tu hành rất khó khăn và đôi khi sự tu hành chẳng đi đến đâu cả, chỉ mang tiếng tu hành, chứ chẳng có ích lợi gì cho mình, cho người.

Tánh cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo rất quan trọng cho cả cuộc sống đời, lẫn cuộc sống đạo.

Người tu tập tỉnh thức, tức là tu tập Thân Hành Niệm, tu tập Thân Hành Niệm, tức là tập luyện tánh cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo, chứ không phải sự tập trung tâm vào bước đi hoặc mọi hành động của thân, để cho tâm không khởi niệm vọng tưởng, đó là một sự tu tập sai lầm của các cư sĩ và tu sĩ, họ đã từng tu tập như vậy đã bao thế kỷ nay, mà chẳng có ai đạt được ích lợi gì cho bản thân của mình và cho người khác.

Còn tu tập rèn luyện tánh cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo thì ngay trong sự kỹ lưỡng, dè dặt, cẩn thận, kín đáo đó trên mỗi hành động thiện hay ác của họ, liền có sự giải thoát, khiến cho thân tâm được an lạc, thanh thản và vô sự. Vì sự cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo (tỉnh giác) trong thiện pháp (chánh niệm) nên thường ngăn chặn và diệt trừ các ác pháp (tà niệm).

THẾ GIỚI SIÊU HÌNH

Câu hỏi của Từ Tuệ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Thế giới siêu hình. Dựa theo lời Thầy dạy con hiểu thế giới siêu hình như cái tivi, đầu vidéo, những cuốn băng hình do con người tạo ra, để thu giữ những hình ảnh của thế giới con người hoặc là thế giới thần tiên cũng do con người diễn xuất. Nếu đập vỡ phương tiện thì chẳng còn gì. Con sợ con sa*

vào tưởng tượng nên con mạnh dạn trình Thầy để Thầy chỉ dạy.

Đáp: Đúng, con đã hiểu được ý của Thầy nói về thế giới siêu hình. Còn có sắc thân này còn có cảnh giới siêu hình, nếu sắc thân này mất, thì cảnh giới siêu hình cũng mất.

Bởi vì con người đang sống trong thế giới đối đãi, thế giới duyên hợp nên cái này có cái kia có, cái này mất cái kia mất.

Con ví dụ rất khéo, thế giới siêu hình như cái tivi đầu máy vidéo và cuốn băng quá cụ thể và rõ ràng, khiến cho mọi người đều có thể nhận ra được.

Bởi sắc uẩn nó là cái tivi, tưởng uẩn là đầu máy vidéo còn cuộn băng là năng lực của tưởng thức. Nên chiêm bao, mộng mị, hình bóng ma, quỷ, linh hồn, thần, tiên, lên đồng, nhập xác cô, cậu đều do sắc uẩn tức là thế giới hữu hình của chúng ta đang sống và đóng những vai trò trên sân khấu của tưởng uẩn, tạo ra những hình ảnh sống động khiến cho mọi người đều lầm tưởng là có thế giới siêu hình như thật. Nếu không đập vỡ sắc uẩn, tưởng uẩn và tưởng thức (tivi, đầu máy vidéo và cuốn băng) thì ngàn đời người ta đều cho có thế giới siêu hình như thật.

Ví dụ của con ở phần trên, rất chính xác khiến cho mọi người dễ nhận ra thế giới siêu hình do từ đâu mà có. Nếu không có sắc uẩn, tưởng uẩn và tưởng thức thì thế giới siêu hình cũng không có.

Khi một người chết thì tưởng uẩn và tưởng thức cũng tan hoại theo năm uẩn của nó, thì thử hỏi linh hồn của con người làm sao còn được?

Vậy mà sự vô minh, mê muội của con người không thấy như thật, nên cho người chết còn có linh hồn bất tử luôn luôn đi tái sanh luân hồi thì thật là sống trong mơ mộng.

Do không chân thật nhận ra bằng ý thức, mà chỉ nhận qua trạng thái tưởng uẩn và tưởng thức của chính bản thân mình lưu xuất. Vì thế, mà thế giới siêu hình không một ai dám xác nhận thế giới siêu hình không có. Thậm chí, cho đến các nhà khoa học dù ở phương Đông cũng như ở phương Tây, không có một nhà khoa học nào dám khẳng định không có thế giới siêu hình, vì không thể đem khoa học chứng minh chính xác được những hiện tượng xảy ra của tưởng uẩn và tưởng thức.

Những nhà ngoại cảm đã mang đến những hiện tượng siêu hình, khiến cho các nhà khoa học không thể giải thích được, nên đành phải im lặng, nhưng cũng không dám bảo rằng có, cũng không dám bảo rằng không. Nếu bảo không có

thì không giải thích được những hiện tượng siêu hình thì ai tin cho, còn bảo rằng có thì không chứng minh được những hiện tượng như sương, như khói, không gian và thời gian không bị chia cắt và trải dài là cái gì?

Khi các nhà khoa học không chứng minh những hiện tượng của tưởng uẩn được là vì trí tuệ của các nhà khoa học còn trong sự hạn chế của trí tuệ hữu hạn. Còn những nhà tu hành đạt được trí tuệ vô hạn nên họ đã thấy biết rất rõ ràng các pháp trong vũ trụ. Khi họ nói ra một điều gì, nếu chúng ta chịu khó tư duy, suy nghĩ thì chúng ta sẽ hiểu một cách cụ thể, không có mơ hồ và trừu tượng.

Bởi vì trong hiện tại chúng ta nói, làm, suy nghĩ một việc gì thì những việc ấy còn lưu lại mãi trong không gian mà không bao giờ mất. Vì thế, tưởng uẩn của các nhà ngoại cảm bắt gặp những âm thinh, sắc tướng đó. Nhưng vì là tưởng uẩn muốn trình bày sự bắt gặp đó, nó phải dùng hai trường hợp:

1- Phải thể hiện qua giấc mộng (chiêm bao).

2- Phải thể hiện qua sự nhập xác (đánh thiếp, lên đồng, nhập cốt...)

Không thể mượn ý thức diễn đạt, vì bấy giờ ý thức không còn hoạt động, vì thế tưởng thức chỉ còn có cách thể hiện diễn đạt bằng hai cách nói trên.

Do tưởng uẩn diễn đạt như vậy, nên chúng ta mới lầm tưởng có linh hồn người về nhập xác người sống. Và còn nhiều hiện tượng khác nữa như: sắc tưởng (hình bóng như sương như khói v.v..), thinh tưởng (tiếng than khóc, tiếng kêu, tiếng hú giữa ban đêm v.v..), xúc tưởng (cảm giác ớn lạnh, gió lay bức màn, xúc tưởng loài bướm bay hoặc đậu nơi người vừa chết, v.v..).

Tất cả những hiện tượng này xảy ra, nếu không có một người tu chứng, vượt qua tưởng uẩn thì không ai dám bảo rằng: không có thế giới siêu hình, có nghĩa là có đời sống sau khi chết.

Từ khi chúng tôi được sanh làm người thì cái thế giới siêu hình luôn luôn được ngự trị trong chúng tôi, trên hết là cõi Niết Bàn tức là cõi Phật, kế đó là cõi Trời tức là cõi của chư Thiên ở, cõi Thần, Thánh, cõi quỷ, cõi ma, v.v.. Tất cả những cõi trên đây đều là những cảnh giới của thế giới siêu hình hay nói cho dễ hiểu hơn là cõi của những linh hồn người chết. Đến khi tu tập, nhập được các định, vượt qua được tưởng uẩn, chúng tôi mới nhận thấy, thế giới linh hồn của người chết không có, nhưng chúng tôi không nói ra, nói ra sợ người ta không tin. Đến khi đọc lại toàn bộ kinh sách từ Đại Thừa đến Nguyên Thủy thì chúng tôi thấy bài kinh Pháp Môn Căn Bản trong kinh Trung Bộ, đức Phật đã xác định thế giới siêu hình không có. Bài kinh này là một cơ sở vững chắc để triệt tiêu thế giới siêu hình. Nhờ có triệt tiêu thế giới siêu hình thì mới có thể xây dựng nền đạo

đức nhân bản nhân quả cho loài người trên hành tinh này. Nếu thế giới siêu hình có, thì luật nhân quả không có, luật nhân quả không có thì không thể có sự công bằng và công lý và loài người chỉ là loài ác thú.

Muốn cho cuộc sống của con người có công bằng và công lý thì đạo đức nhân bản nhân quả phải được triển khai, biên soạn và viết ra thành bộ sách đạo đức làm người để giúp cho con người biết cách thực hiện sự công bằng và công lý trên hành tinh này.

Muốn cho cuộc sống của con người có công bằng và công lý thì trước tiên chúng ta phải triệt tiêu thế giới siêu hình, như chúng tôi đã nói ở trên. Vì còn có thế giới siêu hình thì chúng ta không thể áp dụng đạo đức nhân bản - nhân quả vào cuộc sống của loài người được.

Nếu không áp dụng đạo đức nhân bản - nhân quả vào cuộc sống của loài người thì loài người không còn có sự công bằng và công lý nữa và vì vậy cuộc sống của loài người sẽ khổ đau không cùng tận. Thế gian này là địa ngục trần gian. Cho nên, mỗi người phải có tầm nhìn xa hiểu rộng để dẹp bỏ những ảo tưởng của thế giới siêu hình mới mong có ngày trái đất này là Cực Lạc, Thiên Đàng v.v..

TU TẬP CÓ ĐỐI TƯỢNG

Câu hỏi của Từ Tuệ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Con tu tập xả tâm bằng cách: lấy người khác thường làm khó khăn, làm đối tượng tu tập buông xả, dẹp bỏ sân, si, phiền não. Nhờ tu tập như vậy lần lần thấy hết và những khó khăn được gỡ dần, bản thân con thấy an ổn hơn. Bây giờ con bắt đầu tập xả tâm nhớ thương tương tự như vậy. Con trình Thầy cách tập luyện như vậy có được không?*

Đáp: Được, đó là lấy đối tượng tu tập Định Vô Lậu, rất thực tế và cụ thể, cô Út Diệu Quang thường tạo đối tượng giúp các cháu gái tu tập Định Vô Lậu xả tâm diệt ngã, ly dục ly ác pháp này.

Cách thức tu tập này rất khó, nếu là người có chí, có nhiệt tâm, có nhiệt huyết tìm đường tu hành để giải thoát đau khổ của cuộc đời thì một thời gian ngắn đã giải thoát hoàn toàn, đắc định và chứng Tam Minh không có khó khăn. Bằng ngược lại thì đau khổ nhiều, tâm thường sanh oán hận. Nếu tâm thường sanh oán hận, người này đang sống trong cảnh địa ngục và cuối cùng cuộc đời tu hành của họ cũng chẳng có ích gì cho chính bản thân họ, lại càng làm cho họ khổ đau hơn.

Lấy đối tượng tu tập Định Vô Lậu là phải thông suốt lý nhân quả, lý duyên hợp, thân ngũ uẩn, và còn phải dùng pháp hướng tâm ***"tâm như cục đất***", phải tập tỉnh thức trong mọi công việc làm hàng ngày, phải thiểu dục tri túc; phải giữ gìn sáu căn: mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý không cho dính mắc sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Có tu tập như vậy kết quả giải thoát hiện tiền, mới đem lại đời sống an lạc, hạnh phúc chân thật cho chính bản thân của mình.

Tu tập có đối tượng, tức là tu tập Tứ Chánh Cần, tu tập Tứ Chánh Cần có bốn phần:

1- Ngăn ngừa các ác pháp, giúp tâm không phóng dật theo các pháp bên ngoài.

2- Đoạn diệt các ác pháp, quyết tâm tận diệt các ác pháp, khi các ác pháp đã làm chướng ngại tâm, làm cho tâm phiền não và khổ đau.

3- Luôn luôn giữ gìn và bảo vệ tâm trong thiện pháp, không để tâm bị ác pháp xâm chiếm.

4- Lúc nào cũng tìm mọi cách để tâm được thanh thản, an lạc và vô sự.

Tu có đối tượng là người phải có nghị lực, dũng cảm, gan dạ, kiên nhẫn, bền chí. Luôn luôn chiến đấu, nhưng quyết định phải giành được phần thắng về mình, nhất định là không chịu thất bại trước các ác pháp nào cả.

Người có ý chí có quyết tâm như vậy thì chắc chắn phải thành tựu viên mãn trong sự tu tập.

Tu có đối tượng tuy khó, nhưng kết quả dễ nhận ra và nhận ra rõ ràng, cụ thể. Tu tập có đối tượng không sợ bị ức chế tâm, không sợ lạc vào thiền tưởng, nhưng phải tránh sự chịu đựng.

Tu tập có đối tượng dễ phát triển tri kiến giải thoát, vì phải thường xuyên quán xét, tư duy, suy nghĩ, làm việc nhiều về trí óc. Phát triển tri kiến giải thoát tức là phát triển trí tuệ đạo đức nhân bản - nhân quả.

Người tu tập phát triển tri kiến giải thoát là người sống đúng giới luật không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào cả. Nhờ đó tâm họ ly dục ly ác pháp một cách dễ dàng.

Tâm ly dục ly ác pháp là tâm không phóng dật. Người tu hành tâm không phóng dật là tâm giải thoát. Như Đức Phật đã dạy: ***"Ta thành Chánh giác là nhờ tâm không phóng dật, muôn pháp lành cũng từ nơi đó sanh ra".***

XẢ SẠCH

Câu hỏi của Hải Tâm

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Biết bao giờ tâm con mới xả sạch?*

Đáp: Nếu thấu rõ đời sống con người là khổ, khổ như thật. Trong cõi đời này không có một vật gì là của mình, là mình cả. Và những vật ấy không bao giờ thường còn mãi mãi, luôn có sự thay đổi vô thường từng phút giây. Vì thế, sáng vui, chiều khóc, chiều vui, sáng khóc. Đời sống con người là vậy vui ít, khổ nhiều, có gì là hạnh phúc đâu; có gì mà tham đắm.

Nếu một người không biết nhàm chán những sự cám dỗ của cuộc đời này, để vượt ra khỏi những khổ đau của kiếp làm người, mà cứ mãi đắm chìm theo dục lạc của nó thì khó mà buông xả sạch.

Nếu không chịu khó thường quán xét, tư duy thì không thể nào thấu suốt lý vô thường, khổ đau và vô ngã của vạn pháp trong thế gian này, thì làm sao buông xả sạch vạn pháp cho được.

Nếu tâm còn ham thích, chưa ngao ngán, chán chường cuộc sống này, thì làm sao xả bỏ sạch được, nếu xả bỏ sạch không được thì cuộc đời tu hành chỉ hoài công vô ích mà thôi.

Đạo Phật là đạo buông xả, có nghĩa buông xuống không dính mắc bất cứ một vật nào cả, còn dính mắc, dù cho một pháp nhỏ nhất như đầu mũi kim thì cũng chưa chấm dứt sanh tử, luân hồi.

Buông xuống, không có nghĩa trốn tránh, tiêu cực trong cuộc sống, như có một số nhà học giả hiểu Phật giáo như vậy, hiểu trong tinh thần tiêu cực, thụ động. Ngược lại, Phật giáo buông xuống, nhưng có nghĩa là tích cực, năng nổ làm việc để đem lại cho mình cho người có một cuộc sống ấm no đầy đủ, nhưng không vì vật chất mà chà đạp, xâu xé lên nhau để chiếm đoạt về phần mình nhiều hơn. Do đó, buông xuống có nghĩa là không dính mắc, chứ không có nghĩa tiêu cực không làm việc.

Nhàm chán không có nghĩa là chán đời. Ở đây có nghĩa là thấu suốt được vạn pháp không có thực thể, nên tâm không còn tham đắm và dính mắc nó nữa.

Nói buông xả có nghĩa là sống một đời sống ly dục ly các ác pháp, khiến cho tâm mình thanh thản, an lạc và vô sự.

Nói buông xả, là nói đến một đời sống đạo đức nhân bản - nhân quả, không làm khổ mình, khổ người. Một đời sống đức hạnh tuyệt vời mà mọi người hằng mơ ước.

Bởi vậy con hãy cố gắng xả cho thật sạch. Xả cho thật sạch thì tâm con được an lạc, thanh thản và vô sự. Một trạng thái vô cùng an ổn và lợi ích cho muôn vạn người và tất cả chúng sanh, chứ không ích kỷ, nhỏ mọn, hẹp hòi như cuộc sống của con người hiện nay. Con người hiện nay đang sống trên sự đau khổ của muôn loài chúng sanh, nhưng vô tình họ nào có hay biết gì đâu.

Con hãy cố gắng xả cho thật sạch thì sự tu tập của con không phí bỏ vô ích một kiếp làm người. Vì những điều con muốn biết, muốn hiểu, con đều sẽ hiểu biết tất cả. Không gian và thời gian không còn chia cắt và ngăn cách đối với con nữa. Rồi con sẽ hiểu: ***"Con người từ đâu sanh ra và chết đi về đâu?"*** .

Và con còn sẽ hiểu hơn nữa: ***"Không có con người sanh tử mà chỉ có sự thay đổi hợp, tan của môi trường sống theo định luật của nhân quả".***

Hãy cố gắng tu tập buông xả con ạ! Không uổng phí công tu tập, không hoài công đâu con ạ!

Buông xuống đi! Hãy buông xuống đi!

Chớ giữ làm chi có ích gì?

Ôm vào đau khổ vô cùng tận,

Buông xuống ngay liền vạn khổ đi.

Buông xuống đi! Hãy buông xuống đi, con sẽ thấy hạnh phúc vô cùng, vô tận.

Cuộc sống của con người chỉ là một vở tuồng trên sân khấu nhân quả, có đáng gì cho chúng ta đắm mê, mà không buông bỏ được phải không hỡi con? Chỉ toàn là khổ đau, khổ đau vì tranh ăn; khổ đau vì danh lợi; khổ đau vì hơn thua, v.v..

Cho nên, đạo Phật ra đời dạy: ***"Con người bỏ xuống tất cả các ác pháp và sẽ được tất cả các thiện pháp"***. Đó là một bí quyết bảo vệ môi trường sống trên hành tinh này, đem lại cho muôn loài một đời sống công bằng và công lý.

TÂM NHƯ ĐẤT

Câu hỏi của Hải Tâm

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Tâm như cục đất có xả sạch được chưa?*

Đáp: Tâm như cục đất là tâm con đã xả sạch, chừng đó con chẳng cần tu tập thiền định nào cả, lúc nào con cần nhập định là nhập được ngay liền, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức.

Tâm như cục đất, đó là sự ước muốn của con. Muốn cho tâm không còn tham, sân, si, mạn, nghi nữa, khi tâm không còn tham, sân, si, mạn, nghi nữa là tâm hết khổ đau. Sự ước muốn như vậy, nếu con không cố gắng khắc phục tâm mình ly tham, đoạn ác pháp thì làm sao tâm thành đất được.

Muốn cho tâm thành đất thì con phải tu tập Bát Chánh Đạo. Nói tu tập Bát Chánh Đạo là nói cách thức sống ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp hay nói cách khác là sống toàn thiện.

Muốn sống toàn thiện thì phải có Chánh kiến, Chánh kiến tức là thấy đúng nhân quả thiện và ác, chứ không phải thấy đúng, sai, phải, trái, tốt, xấu, v.v..

Trong cuộc sống bất cứ một việc gì xảy đến, chúng ta đều phải nhìn với lòng thiện, lòng từ, lòng bi, lòng hỷ, lòng xả. Nếu chúng ta nhìn thấy bất cứ việc gì với lòng bất thiện, lòng không từ, không bi, không hỷ, không xả thì ác pháp sẽ đến với chúng ta. Và vì thế tâm chúng ta sẽ khổ đau, và như vậy tâm không thể thành đất được.

Muốn tâm thành đất chúng ta phải có sự tư duy, suy nghĩ thiện và ác trong bất cứ một sự việc gì xảy ra, thiện thì chúng ta tăng trưởng để mà sống, không làm khổ mình, khổ người, còn ác thì chúng ta tư duy suy nghĩ quét sạch những pháp ác ấy ra khỏi tâm, để đem lại cho tâm một sự thanh thản, an lạc và vô sự. Nhờ có tu tập được như vậy thì cuộc sống mới có an vui, hạnh phúc.

Muốn tâm thành đất thì chúng ta khéo léo giữ gìn tâm không phóng dật. Giữ gìn tâm như thế nào?

Muốn giữ gìn tâm thì luôn lúc nào cũng phải nhớ nhắc tâm: ***"Tâm không được phóng dật, phải định vào thân đi"*** hay ***"Tâm định vào hơi thở đi"***, hoặc ***"Tâm như đất lìa tham, sân, si, mạn, nghi đi".***

Trong tất cả câu pháp hướng này, tùy theo mọi người mà chọn lấy cho mình một câu phù hợp với đặc tướng, còn riêng Thầy thì câu: ***"Tâm không được phóng dật phải định vào hơi thở đi"***, thì rất phù hợp. Tại sao vậy?

Tại vì câu này có hai tác dụng:

1- Bắt buộc tâm không được phóng dật theo ra các pháp.

2- Bắt buộc tâm phải định vào hơi thở (định vào thân).

Nếu tâm không phóng dật là tâm thành đất, tâm thành đất là tâm bất động, tâm bất động là con đã viên mãn con đường tu tập theo Phật giáo của mình.

ĐỘC CƯ

Câu hỏi của Hải Tâm

Hỏi: *Kính thưa Thầy và cô Út, xin giảng lại cho con hiểu rõ chỗ độc cư?*

Đáp: Mục đích của độc cư là giữ tâm chuyên nhất vào pháp hướng để tu tập, không phóng tâm ra ngoài. Người không giữ hạnh độc cư, thường để tâm phóng dật chạy theo trần cảnh bên ngoài, sanh ra trạo cử gọi là tuôn trào, khi tâm tuôn trào chạy đi nói chuyện đầu này, đầu kia, sanh ra nhiều ác pháp, khiến cho mình và người khác không an để tu tập, đó là đã phá hạnh độc cư, làm hại mình hại người. Người phá hạnh độc cư, được xem là người đã tu sai pháp, khiến tâm không bao giờ buông xả được. Họ chỉ nói buông xả, chứ thật ra tâm tham, sân, si, mạn, nghi vẫn còn đầy đủ. Vì thế lòng thương, ghét, thù, oán, tị hiềm, v.v.. không mất một chút nào cả. Và cuối cùng họ còn hiểm độc, gian xảo, hung ác hơn những người chưa tu, chỉ vì họ bị ức chế tâm.

Đức Phật gọi tâm này là tâm phóng dật. Người tu hành còn để tâm phóng dật thì không thể tu theo đạo Phật được, nên trở về sống đời sống thế gian, trau dồi đạo đức nhân quả, thì không mang nợ của đàn na thí chủ.

Người tu hành nhập thất từ 1 tháng đến 3 tháng, rồi xả thất ra đi ta bà chỗ này đến chỗ kia... Sau đó rồi trở về tu tập lại. Nếu người nào cứ tu như vậy thì suốt đời tu hành cũng chẳng tới đâu, vì luôn luôn phá hạnh độc cư.

Người sống độc cư không chịu nỗi là người không thể tu thiền định của đức Phật được.

Người muốn sống độc cư được trọn vẹn thì phải giữ tâm trong các pháp hành thật miên mật, không được để có kẽ hở.

Còn có kẽ hở thì tâm theo kẽ hở đó mà phóng ra, khiến cho chúng ta cảm thấy cô đơn vô cùng. Từ đấy tâm dễ sanh buồn chán và sự tu hành bắt đầu chểnh mảng, tâm không còn thích tu nữa. Do đó, sự tu hành chỉ còn tu lấy lệ cho qua ngày.

Khi sống không đúng độc cư, con bị phóng tâm chạy theo ngoại cảnh. Do đó, con tu thiền dù bất cứ loại thiền nào, con cũng sẽ rơi vào tà thiền.

Tà Thiền ở đây có nghĩa là loại thiền không làm chủ được sự sống chết và không chấm dứt luân hồi tái sanh.

Bởi hạnh độc cư rất quan trọng, nếu một người tu mà không giữ gìn trọn vẹn hạnh này thì uổng phí một đời tu, chẳng có kết quả gì.

Những tu sĩ đến đây tu hành nhìn qua hạnh độc cư là biết người tu được hay không tu được. Ngày xưa, Đức Phật đã đuổi 500 vị Tỳ kheo không giữ gìn hạnh độc cư, mặc dù đó là những đệ tử của ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên.

Gần 20 năm Thầy đón nhận những người về đây tu tập chưa tìm thấy một người nào giữ hạnh độc cư trọn vẹn.

VỀ KẾT QUẢ BẢN THÂN

Câu hỏi của Liễu Thiện

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Nương theo sự chỉ dạy của Thầy, con đã y cứ vào đó mà thọ trì tu tập, càng ngày con càng nhận được sự thanh thản, an lạc rõ ràng hơn. Hiện nay trước một loạt các khó khăn và bất an xảy ra thường ngày con đã vững vàng, bình tỉnh hơn, và đã vượt qua được. Nếu so với trước đây thì khó khăn lắm con mới làm chủ được. Tất cả những gì con làm là đều do ánh sáng trí tuệ của Phật, của Thầy chỉ dạy, con hiểu ra rằng chỉ có sống đúng đạo đức nhân bản bằng những giới luật hằng ngày thì ta mới có bản lĩnh và nghị lực để vượt qua được mọi sóng gió của cuộc đời. Tuy kết quả chưa được to lớn nhưng cũng là một sự khích lệ, động viên để con vững bước trên con đường mình đã chọn.*

Kính thưa Thầy, trong khi tu tập thực hành có nhiều lúc con phải kìm nén, những giọt nước mắt trước sự tấn công của ác pháp, vì hiện tại con chưa đủ đạo lực để vượt qua. Nhưng qua những lần như vậy con lại cứng cáp hơn, mạnh mẽ hơn. Con luôn tự nhủ nếu mình chùng bước trước mọi ác pháp thì mình sẽ mãi mãi trôi lăn trong khổ đau vô tận. Những lần như vậy con lại nghĩ đến Thầy, đến cô Út với tất cả tấm lòng kính trọng vô biên trước mọi khó khăn, cực nhọc mà Thầy và cô đã trải qua. Do vậy, trong lúc học đạo làm người có những việc con chưa làm được, còn phạm phải những lỗi lầm không đáng có. Ví dụ, như vẫn còn hay cãi lại mẹ hay lời nói không được đẹp tai, dịu dàng lắm, v.v.. Mỗi lần như vậy con thật sự xấu hổ với bản thân. Hôm nay con viết những dòng này kính bạch lên Thầy những việc con chưa làm được mà tự nơi tâm con không thể nói hết được, kính xin Thầy từ bi hoan hỉ tha thứ và chỉ dạy.

Đáp: Mặc dù con rất cố gắng khắc phục tâm mình, nhưng gặp những pháp cực ác thì không sao làm chủ được. Đó là nghiệp lực sân hận con đã huân tập nhiều

đời, nhiều kiếp, nó đã thành khối. Vì thế, muốn tu tập quét cho thật sạch khối nghiệp lực này thì phải kiên trì, bền chí tu tập với một ý chí sắt đá hằng ngày phải thường nhắc câu pháp hướng ***"Tâm như đất, tham, sân, si phải chấm dứt"***, mỗi lần vấp ngã thì con hãy đứng lên tiếp tục tu tập nữa; mỗi lần vấp ngã là mỗi lần rút ra nhiều kinh nghiệm xả tâm; mỗi lần vấp ngã là mỗi lần giúp con tỉnh giác nhận được ác pháp ngay liền nơi con và thiện pháp nơi người; mỗi lần vấp ngã là mỗi lần pháp hướng tâm hiện ra như một người bạn lành tốt bụng nhắc con, khiến cho tâm con được an ổn ngay liền; mỗi lần vấp ngã là mỗi lần trí tuệ tri kiến giải thoát của con phát triển, nếu con biết cách triển khai. Nhờ đó mà tâm hồn con thanh thản, an lạc và vô sự.

Một người tu theo đạo Phật mà sợ gặp ác pháp, thường tránh né, tìm chỗ an ổn để tu tập, thì khó mà xả tâm, thường bị ức chế tâm.

Mục đích của đạo Phật là tâm bất động trước các ác pháp. Muốn tâm bất động trước các ác pháp thì con nên nhớ hằng ngày phải trau dồi những pháp sau đây:

1. Pháp hướng tâm "Dẫn tâm vào đạo chứ đừng dẫn đạo vào tâm", nghĩa là tu tập nhiều chứ đừng học nhiều, học nhiều không tu thì chẳng ích lợi gì, giống như cái tủ đựng kinh sách.
2. Triển khai trí tuệ tri kiến nhân quả ***"Đừng thấy mọi sự việc đúng, sai, phải, trái, mà hãy thấy nó thiện và ác".***
3. Đừng thấy lỗi người mà hãy thấy lỗi mình.
4. Hãy khởi tâm yêu thương những người đang sống trong ác pháp.
5. Hãy khởi tâm tha thứ những người đang sống trong ác pháp.
6. Chúng ta lớn hơn, cao thượng hơn mọi người là nhờ ở chỗ biết nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng.
7. Chúng ta có được một tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự, đó là nhờ biết buông xả các ác pháp.
8. Chúng ta làm chủ được sanh, già, bịnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi là nhờ biết ly dục ly bất thiện pháp, biết diệt ngã, xả tâm, biết buông xả các ác pháp, biết giữ tâm bất động trước ác pháp và các cảm thọ và luôn luôn lúc nào cũng biết giữ tâm thanh thản, an lạc và vô sự.

Một cuộc đời tu tập theo đạo Phật mà biết buông xả, tâm bất động trước các ác pháp, thì không có một vật gì quý báu nhất trong đời này mà đem trao đổi được.

Vì biết tâm thanh thản, an lạc và vô sự là một vật vô giá, không có vật quý báu nào trên thế gian này hơn được. Vì thế, chúng ta hãy cố gắng tu tập, tu tập cho bằng được, vì nó rất lợi ích cho chúng ta và cho mọi người trên hành tinh này.

TRAI HAY LÀ CHAY

Câu hỏi của Liễu Thiện

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong một bài giảng về chánh tín và mê tín đăng trên nguyệt san Giác Ngộ. Hòa Thượng Thích Thanh Từ có giảng... Trong Miền Nam các nhà sư Nguyên Thủy chỉ có ăn trai chứ không ăn chay. Vì trong khi hành hạnh khất thực, ai cho gì ăn nấy kể cả thức ăn mặn. Có phải vậy không thưa Thầy?*

Đáp: Trai là một danh từ chữ Hán.

Chay là một danh từ chữ Việt.

Nghĩa của "trai" và "chay" thì đồng nghĩa, có nghĩa là không ăn thịt chúng sanh. Vì thế mới có "nguyệt trai", "nhật trai".

Nguyệt trai là một tháng ăn chay (không ăn thịt chúng sanh), như: tháng giêng, tháng bảy và tháng mười.

Nhật trai là ngày ăn chay (không ăn thịt chúng sanh) như:

1- Nhò trai

2- Lục trai

3- Thập Trai

- Nhị trai: Gồm có ngày rằm và ngày 30 Âm lịch.

- Lục trai: Gồm có ngày 8, 14, 15, 23, 29, 30 Âm lịch.

- Thập trai: Gồm có các ngày như: 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30 Âm lịch.

Theo chữ nghĩa thì Bắc Tông Đại Thừa hiểu chữ trai là "ăn chay". Nam Tông Tiểu Thừa hiểu chữ trai là "giới cấm", cho nên mới có Thọ Bát Quan Trai, ngọ trai.

Nhưng nói đến giới cấm thì không nói đến chay và mặn, mà chỉ nói đến thiện và ác. Vì vậy, trong giới luật của Phật mới có *"Giới thứ nhất dạy chẳng sát sanh"*, nghĩa là cấm không cho giết hại chúng sanh, không bảo, không xui bảo người khác giết hại.

Ở đây, có nghĩa giới luật cấm các vị Tỳ Kheo không được ăn thịt động vật, vì ăn thịt động vật tức là bảo người khác giết hại chúng sanh.

Cho nên, chữ trai bên Nam Tông Tiểu Thừa cũng có nghĩa là ăn chay, nhưng các sư biến chữ trai thành nghĩa khác như HT Thích Thanh Từ giảng như vậy là để tùy thuận với các sư Nam Tông, nuốt trôi những miếng thịt động vật.

ỨC CHẾ TÂM

Câu hỏi của Liễu Thiện

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Theo sự hiểu biết của con, thì ức chế vọng tưởng là do những niệm khởi lên mà ta không tỉnh thức quán xét xem là thiện hay ác pháp, để xả bỏ. Vội vàng đoạn diệt không cần truy cập nó thuộc về lậu hoặc nào.*

Vả lại, ức chế tâm còn do sự ham muốn dục lạc, khi dục lạc ham muốn khởi lên ta cũng không quán xét lợi hay hại để xả bỏ mà chỉ có nhẫn chịu, vì thế, nếu có dịp nó sẽ bung ra. Có phải vậy không thưa Thầy?

Đáp: Đúng vậy, sự ức chế tâm có hai cách:

1- Chịu đựng mọi sự giận hờn, căm tức, phiền não, sợ hãi, lo rầu, v.v.. mà không bao giờ nói ra cho một ai biết. Sự chịu đựng này gọi là kham nhẫn.

Ví dụ: Trong gia đình có người chồng độc tài luôn luôn bắt vợ con phải tuân theo lệnh của mình, sai bảo đâu làm đó, không được làm trái. Những người bị bắt buộc như vậy gọi là chịu đựng, những người chịu đựng là những người ức chế tâm.

Sức chịu đựng sẽ đến một mức độ nào đó, thì không còn chịu đựng được nổi. Khi không còn chịu đựng nổi thì thần kinh hưng phấn, thần kinh hưng phấn thì người ấy bị rối loạn thần kinh, bị điên khùng, bị tẩu hỏa nhập ma, v.v..

Suốt thời gian chịu đựng thì người ấy là người khổ đau tận cùng của cuộc đời mình.

2- Người dùng một đối tượng, một pháp môn để ức chế tâm để không khởi niệm vọng tưởng, đó là loại ức chế có pháp môn, có phương cách.

Loại ức chế tâm này có đường lối, có phương pháp để dẫn tâm vào thế giới tưởng như: Thiền xuất hồn, Thiền Yoga, Thiền Đại Thừa, Thiền Đông Độ, Thiền Lục Diệu Pháp Môn, Mật Tông, Tịnh Độ Tông, v.v..

Cho nên, các pháp môn này đều xây dựng cho mình một thế giới siêu hình mơ hồ, trừu tượng, ảo giác, khiến cho con người phải mê mệt với nó, nhưng không ích lợi thiết thực cho đời sống.

Chỉ riêng có thiền của Phật giáo Nguyên Thủy thì xả tâm ***"ly tham đoạn ác pháp".*** Do đó, người tu hành sẽ không bị ức chế tâm và đạt được kết quả giải thoát làm chủ sanh, già, bịnh, chết, chấm dứt tái sanh luân hồi.

KINH NĂM BA

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong kinh Trung Bộ, phẩm kinh Năm Ba con không hiểu rõ lắm, xin Thầy giảng tóm tắt ý nghĩa cho con được không?*

Đáp: Bài kinh Năm Ba là bài kinh đức Phật dùng để bài bác 62 luận thuyết của tà giáo ngoại đạo, tức là 62 pháp môn của các tôn giáo đương thời trong đất nước Ấn Độ. Và cuối cùng đức Phật đưa ra giáo thuyết của mình, tức là bốn chân lí: *"Khổ, Tập, Diệt, Đạo"* để giải quyết sự khổ đau của con người trên hành tinh này rất thực tế và cụ thể.

"Ở đây, này các Tỳ Kheo, vô thượng tịch tịnh tối thắng đạo này được Như Lai chánh đẳng giác, nghĩa là sau khi như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt và nguy hiểm của sáu xúc xứ, có sự giải thoát không chấp thủ".

Tất cả giáo lý của đạo Phật không ngoài bốn chân lí: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Nó là một chân lí của loài người để con người rèn luyện tu tập thoát ra khỏi bản chất loài cầm thú, để trở thành con người thật sự là con người và cao hơn nữa để trở thành những bậc Thánh nhân.

Ngoài bốn chân lí này, nếu còn có giáo pháp nào khác, thì coi chừng đó là tà giáo ngoại đạo xen vào trong Phật giáo. Chúng ta là những hàng đệ tử của Phật phải đề cao, cảnh giác và loại trừ chúng ra khỏi.

Bốn chân lý của đạo Phật là dựng lại một nền đạo đức nhân bản nhân quả cho loài người, khiến cho con người trên hành tinh này sống không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh, biến hành tinh này trở thành Cực Lạc, Thiên Đàng.

Bài kinh Năm Ba là bài kinh xác định giáo pháp của đức Phật và giáo pháp của ngoại đạo không có giống nhau một chút xíu nào cả, khiến cho người Phật tử tinh ý sẽ không thể lầm lạc được.

Thế mà hiện giờ người ta đã lầm lạc lấy giáo pháp của ngoại đạo làm giáo pháp của Phật để tu hành và còn khinh thường giáo pháp của Phật là Tiểu Thừa, thật là đau lòng. Phải không con?

PHƯƠNG PHÁP TU TẬP CHO NGƯỜI GIÀ

Câu hỏi của Liễu Thiện

Hỏi: *Kính thưa Thầy, ở ngoài này có bác Hạnh Nghĩa, rất nổ lực tu học, nhưng chưa biết cách thức tu học cho phù hợp với bản thân và gia cảnh. Bác có hỏi con nhưng con không biết trả lời ra sao, mà chỉ góp ý với bác hãy sống đúng giới hạnh của người cư sĩ đó là nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng. Kính xin Thầy từ bi chỉ dạy cho Bác (Bác năm nay gần 70 tuổi, Nhưng vẫn khỏe mạnh và bình thường).*

Đáp: Con nên chỉ dạy cho bác cách tu tập giữ tâm thanh thản, an lạc và vô sự.

Dạy cho bác câu pháp hướng tâm: ***"Tâm như đất, lìa tham, sân, si là hết khổ"***, để hằng ngày bác huân tập câu pháp này sẽ có hiệu quả giải thoát trong những ngày cuối cùng của đời bác.

Lúc bệnh tật khổ đau cũng như lúc gặp các ác pháp thì con nên dạy bác nhắc tâm: ***"Tâm phải bất động trước các ác pháp, không được sợ hãi, hãy bình tỉnh, hãy gan dạ, tất cả đều là do nhân quả".***

Cuối cùng, con nên dạy bác mỗi tháng nên Thọ Bát Quan Trai một ngày. Ngày ấy là ngày tập làm Phật.

TU TẬP GIỚI CHƯA ĐỦ

Câu hỏi của Liễu Thiện

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Tại sao trong một câu nói: Tất cả những ai từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói lưỡi hai chiều, từ bỏ sân, tâm có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung họ đều sanh vào thiện thú, thiện giới, cõi đời này. Như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy .*

- *Còn câu nói: Ta đã thấy ở đây có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... như trên. Như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy.*

Đáp: Cùng một câu nói, một ý nghĩa như nhau, mà được Đức Phật chấp nhận và không chấp nhận. Chỉ vì, người thực hiện pháp đó lại khác nhau (người tu sĩ và người cư sĩ).

Người tu sĩ mà thực hiện pháp thiện đó chưa đủ để giải thoát, chỉ mới được sanh vào thiện thú, thiện giới ở cõi đời thì Đức Phật không chấp nhận.

Còn người cư sĩ tại gia thực hiện pháp thiện đó để được sanh vào thiện thú, thiện giới ở cõi đời này thì Đức Phật chấp nhận.

Tóm lại, câu này Đức Phật xác định tu tập Giới luật chưa đủ để giải thoát hoàn toàn, mà phải tiếp tục tu tập Định và Tuệ.

DUYÊN NHÂN QUẢ

Câu hỏi của Đào Thị Vinh

Hỏi: *Kính thưa Thầy, vợ chồng lấy nhau, người ta bảo rằng, đều có số định cả, có nghĩa là người này phải lấy người mà có số định với mình, không được lấy người nào khác. Có phải vậy không thưa Thầy ?*

Đáp: Không phải số định mà cũng không phải số mệnh mà là duyên nhân quả nợ vay trong thuận cảnh, cũng như trong nghịch cảnh.

Ví dụ: Kiếp trước chúng ta đối xử với những người làm công cho mình quá khắc nghiệt, đánh đập, chửi mắng, trả tiền công ít, v.v..

Kiếp này họ làm vợ hoặc chồng hoặc con cái trong nhà, họ phá tán của cải tài sản và còn chửi mắng đánh đập, khiến cho gia đình đau khổ bất an.

Cho nên, kiếp trước gieo nhân nào thì kiếp này phải trả quả nấy. Tình nghĩa vợ chồng con cái đều do nhân quả, chứ không phải do số mệnh duyên nợ tiền định. Vì không có tiền định. Tiền định là cái vật gì? Ông gì? Ông Ngọc Hoàng Thượng Đế ư ?

Vì không hiểu môi trường sống nên người ta đặt ra những câu hỏi để có hỏi mà không có trả lời: *“Con người từ đâu sanh ra? Chết đi về đâu?”.*

Do không hiểu, người ta dùng tưởng tri, tạo ra một Đấng Vạn Năng, một ông Ngọc Hoàng, một ông Trời, một ông Tạo Hóa sanh ra vạn vật trên hành tinh này. Lại có thuyết cho rằng từ trong Đại ngã vạn vật sanh ra và mỗi vật được sanh ra là tiểu ngã. Những thuyết này mơ hồ và trừu tượng không thể trả lời hai câu hỏi trên. Và vì vậy, hai câu hỏi trên vẫn còn đóng kín cửa.

Duyên tiền định giữa đôi vợ chồng cũng là sự tưởng tri của con người đặt ra, chứ không có số định, số mệnh.

Theo đạo Phật con người từ nhân quả sanh ra, chết trở về nhân quả, chứ không từ đâu đến và chết cũng không đi về đâu.

Còn duyên vợ chồng, con cái đều là do vay nợ của nhân quả theo định luật của nhân quả *"Vay thì phải trả"*.

Vậy, chồng vợ có số mệnh là không đúng, mà có nợ nhân quả ác hay thiện với nhau là đúng.

Nhìn cuộc sống của họ chúng ta có thể biết chắc chồng nợ vợ hay vợ nợ chồng một cách cụ thể và rõ ràng.

Vì thế, trong cuộc đời này vợ chồng thường làm khổ cho nhau nhiều hơn là đem lại hạnh phúc an vui cho nhau. Họ sống với nhau phần đông là chịu đựng.

HỒN VỀ NHẬP CÔ ĐỒNG

Câu hỏi của Đào Thị Vinh

Hỏi: *Kính thưa Thầy, con đi gọi hồn, cô đồng nói đúng được tên tuổi người trong gia đình con, thưa Thầy như vậy là thế nào?*

Đáp: Cô đồng dùng tưởng thức của mình giao cảm với tưởng thức của con, nên nói đúng tên họ tuổi người trong gia đình con, chứ không phải có linh hồn người chết trong gia đình con về nhập cô đồng.

Người chết, đó là danh từ chỉ cho các duyên nhân quả đã tan hoại hết, tức là thân ngũ uẩn đã tan rã không còn sót một duyên nào, thì còn đâu có linh hồn người chết.

Trong thân người đâu có linh hồn, linh hồn là một danh từ chỉ cho một hình ảnh ảo tưởng do năng lực tưởng tạo ra. Trong thân người chỉ có năm duyên như: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, mà trong kinh Phật gọi là thân ngũ uẩn. Khi người chết các duyên tan rã, đâu còn một duyên nào thì làm sao gọi là người chết còn có linh hồn, như trên chúng tôi đã nói.

Cái mà người chết còn lại là hành động thiện ác, hành động thiện ác, tức là nhân quả. Khi người chết là nhân quả trở về với nhân quả. Vì thế Đức Phật dạy: ***"Chết trở về nhân quả".*** Như vậy là đã trả lời câu hỏi thứ hai của các con.

Hành động nhân quả không thể gọi là linh hồn được. Thế sao có linh hồn nhập đồng nhập cốt?

Không có linh hồn nhập đồng, nhập cốt, mà chỉ có tưởng thức của đồng, cốt giao cảm rồi tự xưng mình là ông này, bà kia chết oan, chết ức, chết tức, chết tối, v.v.. nhập vào. Người không có trí tuệ vô hạn, không hiểu biết được, nên vội

tin theo lời của đồng, cốt cho là có linh hồn người chết về nhập, báo cho gia đình biết mọi sự xảy ra đúng như thật.

Nhờ báo lại những sự việc xảy ra cách 5 năm hay 10 năm đều đúng như thật, mà các nhà khoa học không sao chứng minh được, nên cũng phải đành tin theo và cho rằng có thế giới siêu hình, có sự sống sau khi chết.

Như chúng tôi cũng thường nói: Chỉ duy nhất trên thế gian này có một người không chấp nhận thế giới siêu hình, đó là đức Phật. Ngài cho rằng: ***"Có thế giới siêu hình thì con người không bao giờ tu hành giải thoát khổ đau được và Phật giáo cũng không có mặt ở trên đời này".***

Bởi vì, thế giới của chúng ta đang sống là do các duyên hợp, cho nên các pháp không có bản thể thường hằng. Các pháp chỉ là vô thường thay đổi liên tục, tan hợp không dừng nghỉ.

Cho nên, các con đừng tin có linh hồn, tin có linh hồn là mê tín. Linh hồn chỉ là một sản phẩm của tưởng thức tạo ra. Đối với trí tuệ hữu hạn của loài người không thể hiểu được năng lực của tưởng, nếu lý giải như khoa học thì không thể lý giải được, nhưng có thể lý giải ở góc độ khác mà khoa học thì chưa đến, nên chưa chứng minh được.

XIN QUẺ

Câu hỏi của Đào Thị Vinh

Hỏi: *Kính bạch Thầy, mấy năm con bị ốm đau. Đầu năm con đến chùa xin quẻ thẻ. Quẻ thẻ cho biết suốt cả năm, nó nói đúng 60%. Thưa Thầy trong đó có câu ghi như sau:*

"Đất ở nhà ngươi có người Thần

Ta về mau đi mới được yên".

Con xin thêm vài quẻ thẻ đầu năm đều nói lên như vậy. Con làm cơm canh cúng cũng không thấy khỏi. Sau đó con phải đến nhờ cô đồng gọi hồn xem con ốm vì sao?

Kính bạch Thầy, sau đó hồn lên nói con bị ốm bệnh về âm, vì có ông Thần đất ngay nhà con ở, ông ấy làm cho con ốm. Sau đó cô đồng bảo con về làm lễ tại nhà và rước vong xuống thờ điện nhà cô đồng, rồi cô rước vong đi chùa Hương. Cho họ ăn lộc chùa Hương, vì ông Thần này là người Tàu chết cách đây 387 năm thành ông Thần Hoàng .

Kính bạch Thầy, sau con cũng về làm đúng như vậy thì thấy bệnh có đỡ và các năm sau đó con cũng xin quẻ thẻ mà không thấy quẻ thẻ nói gì về ông Thần đó nữa. Con kính bạch Thầy, xin Thầy giải thích cho con biết.

Đáp: Tất cả những quẻ thẻ đều ghi những sự việc xảy ra chung chung trong đời người, không xác định cụ thể, giống như lời sấm. Chỉ có thể đúng 50 đến 60 phần trăm.

Khi người đến chùa hay đến điện thờ của ông đồng, bà cốt xin thẻ đều là những người có tâm trạng bất an, ý thức không còn chủ động, thường sống trong tưởng. Khi đó, người lắc hoặc rút thẻ do tưởng giao cảm khiến cho quẻ thẻ rút ra hoặc lắc được giống như tâm trạng của mình đang bị ảnh hưởng truyền thống mê tín ông Thần này, bà Chúa kia, linh hồn nọ, v.v..

Căn bệnh của con thuộc về loại bệnh tinh thần (tinh thần bệnh thì thân bệnh), vì thế con tự cúng lễ thì không hết bệnh mà nhờ có cô đồng rước vong vị thần đó về chùa Hương để hưởng lộc chùa. Cô đồng đã giải tỏa được tâm bệnh của con, cho nên bệnh con hết.

Tóm lại, vì ảnh hưởng mê tín thế giới siêu hình có ông Thần này, bà Chúa nọ, oan hồn kia, v.v.. đã mang đến cho con người biết bao nhiêu là sự khổ đau về thế giới này ***"THẾ GIỚI TƯỞNG"***, thế giới không có thật, chỉ vì tưởng của mình và tưởng của người khác giao cảm mà biết đúng những sự việc xảy ra của mình, do đó nên dễ bị kẻ khác lừa đảo, khiến cho mình khổ lại càng khổ hơn. Mình dại khờ tự mình làm khổ cho mình mà không biết, chứ quỷ Thần làm sao làm khổ mình được.

Người ta đâu biết rằng sự khổ đau hay hạnh phúc đều do hành động nhân quả thiện ác của chính bản thân mình tạo ra.

Cho nên đức Phật dạy: ***"ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp"*** là để chúng ta dừng những hành động nhân quả ác. Dừng những hành động nhân quả ác có nghĩa là dừng những điều đau khổ cho chính mình và mọi người, chứ không có Thần, Thánh, quỷ, ma bắt con người đau bệnh và làm ra tai nạn khổ ách.

Về sau con xin quẻ thẻ không có nói đến vị Thần đó nữa, là vì bệnh tinh thần tưởng của con đã khỏi hẳn, nên tưởng của con không còn giao cảm với những quẻ thẻ nói đến Thần, chứ không phải vị Thần ấy đã đi khỏi nhà con.

Hiện giờ, những người mê tín là những người sống trong tưởng ấm, sống trong ảo giác, sống trong trừu tượng, mơ hồ, hư hư, thực thực. Những hạng người này dễ bị kẻ khác lừa đảo trong thế giới siêu hình.

Trong một cuộc cách mạng mê tín, nếu không giải thích được những hiện tượng siêu hình khiến cho con người càng mê tín lại càng mê tín hơn.

Muốn quét sạch những truyền thống mê tín, dị đoan, lạc hậu thì phải có cơ sở giải thích những hiện tượng siêu hình kỳ lạ thì mới có thể phá và quét sạch chúng. Còn nếu chưa có cơ sở vững chắc thì không nên động đến chúng. Động đến chúng mà không giải thích được thì sự mê tín càng phát triển mạnh.

Cuối tập 3 Đường Về Xứ Phật, quý bạn sẽ được đọc một bài viết về thế giới siêu hình của một nhà trí thức học giả miền Bắc. Với mục đích viết bài này là một sự nghi ngờ quá lớn, tác giả thuật lại những hiện tượng siêu hình xảy ra qua trung gian của những nhà ngoại cảm, là để dựng lại hay nói cách khác là yêu cầu các nhà khoa học chứng minh, làm sáng tỏ: *"có sự sống sau khi chết"*, trong cuộc đi tìm hài cốt liệt sĩ của em mình.

Nếu không được giải thích rõ ràng thì sự mê tín càng lúc càng phát triển mạnh thì những người hiền lành dễ bị những thầy phù thủy, đồng, cốt và các nhà tôn giáo lừa đảo bằng những hiện tượng siêu hình kỳ lạ *"Tiền mất tật mang".*

NHÀ NGOẠI CẢM

Câu hỏi của Đào Thị Vinh

Hỏi: *Kính thưa Thầy, ở Hà Nội bây giờ có một ông ở khu Kim Liên, người ta gọi là cậu Liên (được bộ công an quận chấp nhận). Ông có khả năng đi tìm mồ mả thất lạc và hài cốt của liệt sĩ. Kể cả những người con đang sống thất lạc. Đây là hiện tượng có thật. Cậu còn chữa được cả bệnh.*

Vậy con kính mong Thầy giải đáp cho chúng con được hiểu rõ hơn.

Đáp: Con hãy đọc Đường Về Xứ Phật tập 3 đoạn cuối: *"Những hiện tượng các nhà ngoại cảm đi tìm hài cốt liệt sĩ"* thì con sẽ rõ và cũng trả lời câu hỏi này của con.

SỰ LỪA ĐẢO CỦA ĐỒNG CỐT

Câu hỏi của Đào Thị Vinh

Hỏi: *Kính thưa Thầy, ở chùa làng con thôn Cư Đình, xã Việt Hưng. Vào ngày 3 tháng 3 Âm lịch, hay đội bát nhang và hầu đồng. Hôm ấy con có đi dự, đến lúc có một bà đang đội bát nhang, tự nhiên hai tay cứ vả vào mặt mình, các đệ tử của bà cứ khẩn vái kêu van mãi mới thôi. Hỏi ra mới biết là bà ấy trước đây có*

đội bát nhang, sau bỏ mấy năm không đội nữa, đến nay đội lại nên bị Ngài phạt.

Đáp: Đó là trò bịp, lừa gạt người khác của các thầy phù thủy, thầy bùa, đồng, cốt v.v.. Nếu chúng ta đi vào bề trái thế giới của những hạng người này thì chúng ta sẽ thấy được những sự lừa đảo, gian xảo, có nhiều thủ thuật và những thủ đoạn tinh vi để tạo ra sự mê tín. Nhờ có những người vô minh không rõ mánh khóe gian xảo, nên những đồng cốt giả hiệu dễ bề lừa đảo, cướp giựt tiền của những người đang gặp tai nạn hay bệnh tật v.v.. Nhất là kiến thức còn cạn cợt.

Có dịp Thầy sẽ kể cho các con nghe, những tội ác gian xảo của bọn người lợi dụng sự giao cảm của tưởng thức làm tiền bất chánh mà pháp luật không bắt tội họ được.

Vả vào mặt mình để tạo uy thế cho ông Thần hay Cô, Cậu rất hiển linh, khiến cho mọi người phải tin và cúng bái tiền bạc.

Con cũng là một người bị lừa đảo trong số người đến dự ngày hôm đó.

Đối với đạo Phật thì các con không nên tin một cách mù quáng về thế giới siêu hình mà hãy tin những gì có lợi ích cho mình cho người; mà hãy tin những gì mà ý thức con phán xét thấy như thật, biết như thật thì mới tin.

Đối với đạo Phật thì các con nên tránh xa những hạng người bói khoa, đồng cốt, thầy phù thủy, thầy bùa, thầy ngải, thầy cúng bái, tụng niệm v.v.. Những hạng người này là những hạng người không tốt, họ có nhiều mánh khóe, gian xảo, lừa đảo, họ là những hạng người ác.

Đức Phật thường dạy: ***"Làm bạn với thiện xa lánh với ác".*** Những lời dạy này con nên ghi nhớ: *"Chọn bạn mà chơi, những người hay nói xấu kẻ khác là người ác, không nên thân cận với họ".*

TƯỞNG LỰC

Câu hỏi của Đào Thị Vinh

Hỏi: *Kính thưa Thầy, con có một cô em gái cũng bị Ngài phạt, Ngài trói ghì cánh khuỷu tay, nhưng không có dây. Và trói đầu chặt lắm không gỡ ra được. Chính miệng cô em con nói ra như vậy. Chúng con là người vô minh không hiểu. Vậy chúng con tha thiết kính xin Thầy giảng giải cho chúng con hiểu rõ.*

Đáp: Cô em gái của con là người chịu ảnh hưởng mê tín nặng, nghe đâu thì dễ tin theo đó, có nghĩa là cô em của con rất tin có linh hồn người chết, do lòng tin

ấy mà tưởng uẩn của cô rất bén nhạy, thường hoạt động thay cho ý thức. Vì thế, ý thức thường nhường lại cho tưởng thức làm việc, cho nên tâm tính cô em thường sống trong niềm tin hơn là sống với lý trí phân biệt phán xét. Do đó, cô bị tưởng lực của chính cô tạo ra trạng thái như bị trói chặt hai khuỷu tay của cô.

Sự bị trói hai khuỷu tay của cô em là một trạng thái tưởng của cô em và chính cô không những cảm giác và còn thấy mình đang bị trói rất chặt.

Mọi người bên ngoài không hiểu tưởng là có (Thần Tàu) bắt phạt cô em của con đã có sự lầm lỗi với Ngài.

Với trường hợp này xảy ra khiến cho mọi người ai nấy đều tin có Thần, Thánh, ma, quỷ và linh hồn người chết thật sự. Nói chung là nhờ có những trạng thái của tưởng uẩn hoạt động một cách mầu nhiệm mà trí hữu hạn của con người không thấu rõ được. Do đó, thế giới siêu hình mới thành hình.

Thế giới siêu hình không thể lấy ý thức mà hiểu nó được, không thể phân tích bằng phương pháp khoa học như khám phá phân tích vạn vật bằng phương pháp vật lý hoá học của thế giới hữu hình được.

Cho nên, khoa học và trí hữu hạn của con người phải đành bó tay trước những hiện tượng kỳ lạ của tưởng uẩn (tưởng thức).

Cái kỳ lạ của thế giới siêu hình, chứ sự thật thì không có kỳ lạ gì hết. Vì ý thức của con người bị hạn cuộc bởi thời gian và không gian. Còn tưởng thức thì không bị hạn cuộc bởi không gian và thời gian, nên nó mầu nhiệm với ý thức, mà không mầu nhiệm với tưởng thức, với tâm thức.

Sự linh thiêng của thế giới siêu hình đối với hạng người tin nó, có những người không tin thì không có thiêng. Người sống trong trí tuệ ý thức thì không bao giờ tin có thế giới siêu hình, là những người sống không mê tín. Người thường sống trong trí tuệ tưởng thức là người tin có thế giới siêu hình, là những người mê tín.

Vì thế một người còn đang sống thì luôn luôn có hai thế giới hữu hình và vô hình, còn khi chết thì hai thế giới này cũng không còn.

Một người chết là tất cả đều hết. Hành động nhân quả hằng ngày đều trả về nhân quả. Và tất cả những hành động nhân quả ấy tiếp tục lại luân hồi tái sanh làm chúng sanh khác, thứ hai, thứ ba và thứ vô lượng kiếp.

Người nào tin có thế giới siêu hình là người sống trong tưởng thức, phán xét bằng tưởng tuệ, là người không trí tuệ, thường sống trong ảo ảnh, mơ hồ, trừu tượng, thiếu thực tế, thiếu khoa học. Còn người không tin có thế giới siêu hình là

người sống trong ý thức, người có trí tuệ, người có óc khoa học, thích sống thực tế.

Người sống trong tưởng tuệ thường bị người khác lừa đảo, thường sống trong cảnh khổ đau hơn người sống trong trí tuệ.

Bệnh tật, tai nạn xảy ra thì những người sống trong tưởng thức, khổ đau nhiều hơn người sống trong ý thức.

Người sống trong tưởng thức thường tốn hao tiền của một cách ngu si, *"tiền mất tật mang"*. Còn người sống trong ý thức khó ai lừa đảo họ được.

Chính những nhà ngoại cảm, đồng, cốt, các tôn giáo và các hệ phái tư tưởng mang màu sắc siêu hình khác nhau, đều bị sự lừa đảo của tưởng thức mà họ không hề hay biết.

THẦN GIAO CÁCH CẢM

Câu hỏi của Đào Thị Vinh

Hỏi: *Kính thưa Thầy, con có một ông chú họ, có thể nói được tầm vóc và tính tình của một người tương lai sẽ làm dâu của con. Mặc dù chưa bao giờ gặp mặt. Đã ba năm rồi khi con dâu con về nhà thì con suy ngẫm đúng hệt như ông đã nói.*

Vậy con kính bạch Thầy, Thầy dạy cho con hiểu thêm.

Đáp: Đây cũng do tưởng ấm của ông chú này đã giao cảm được với cô con dâu của con mà chưa bao giờ biết mặt. Tất cả những sự việc có vẻ siêu hình và mầu nhiệm, mà hiện nay con người không thể giải đáp được, chỉ vì nó vượt ra khỏi tầm hiểu biết của ý thức loài người.

Chỉ có những người tâm không còn tham, sân, si thì mới thấy được năng lực mầu nhiệm của tưởng ấm loài người, thật là kỳ lạ và mầu nhiệm. Nhưng khi một người đã chết thì thế giới của tưởng ấm kia cũng không còn.

Trong môi trường sống trên hành tinh này, nó đầy đủ các duyên vận chuyển hợp tan không bao giờ ngưng nghỉ. Do sự vận chuyển hợp tan này mà vạn vật phải vô thường.

Sự vô thường này chia làm hai mặt:

1/ Sự vô thường về hữu hình.

2/ Sự vô thường về vô hình.

Sự vô thường về hữu hình thì ai cũng rõ, đó là sự sanh diệt của vạn hữu. Còn sự vô thường về vô hình thì ít ai biết đến. Và người ta còn lầm chấp cho rằng thế giới vô hình thì trường tồn vĩnh viễn.

Khi con người chết ở thế giới hữu hình thì họ trở về thế giới vô hình vĩnh cửu. Ở thế giới hữu hình còn chưa hiểu hết thì làm sao hiểu được thế giới vô hình. Vì thế, người ta hiểu thế giới vô hình chỉ là một sự *"tưởng hiểu"*. Tưởng hiểu nên thế giới siêu hình không thật sự có.

TƯỞNG ẤM

Câu hỏi của Đào Thị Vinh

Hỏi: *Kính thưa Thầy, tưởng ấm là gì? Tưởng ấm ở đâu?*

Đáp: Tưởng ấm là một duyên trong thân ngũ ấm. Thân ngũ ấm gồm có:

1/ Sắc ấm

2/ Thọ ấm

3/ Tưởng ấm

4/ Hành ấm

5/ Thức ấm

Năm ấm này hợp lại thành thân người. Vì thế chia ra làm hai phần:

1/ Về phần hữu hình thì duy nhất chỉ có sắc ấm.

2/ Về siêu hình gồm có bốn ấm kia: Thọ ấm, hành ấm, tưởng ấm và thức ấm.

Nhưng dù thế giới hữu hình hay siêu hình đều hoạt động do phần sắc ấm, phần sắc ấm rất quan trọng nhất là bộ óc của con người. Thế giới hữu hình và thế giới siêu hình cũng do nó chỉ huy. Vì thế, khi sắc thân hoại diệt thì bộ óc cũng hoại diệt theo. Bộ óc hoại diệt thì thế giới siêu hình cũng hoại diệt theo.

Cho nên, đức Phật dạy: ***"Khi một người chết thì toàn thân ngũ ấm đều hoại diệt không còn một ấm nào cả".***

Như vậy tưởng ấm chỉ là một duyên của thân ngũ ấm và nó ở trong thân ngũ ấm. Đó là thế giới siêu hình của quý vị, mong quý vị hãy bỏ đi, đừng có vô minh,

tự làm khổ mình mà không biết.

Thế giới siêu hình chẳng có ích lợi gì mà còn tai hại cho đời sống của quý vị.

Hãy bỏ xuống! Hãy bỏ xuống! Đó là một ảo ảnh, một hình bóng của thế giới hữu hình của con người.

THẤY MA

Câu hỏi của Đào Thị Vinh

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Con đã được đọc quyển Vôga, của Bungari. Bà Vôga này là một người mù. Bà nói gần đúng như Thầy. Nhưng có khác Thầy là Bà Vôga nói rằng: Bà ấy nhìn thấy ma, và ai đến xem về người âm Bà Vôga có thể nói về người chết đó hiện nay đang mặc quần áo gì, và đang đứng trước mặt Bà ấy. Vậy con kính thưa Thầy giải thích cho con được rõ thêm.*

Đáp: Bà Vôga là một nhà ngoại cảm, trường hợp tưởng thức của bà Vôga giao cảm với những từ trường của những người chết hay nói cách khác là tưởng thức của bà bắt gặp từ trường tưởng thức của người chết còn lưu lại trong không gian những hình ảnh, âm thanh và hành động. Khi bắt gặp như vậy thì Bà Vôga thấy người chết nói chuyện với Bà, và kể lại tất cả những sự việc đã xảy ra. Vì thế, Bà thấy ma và còn nói chuyện với ma, đó là năng lực tưởng thức của Bà tạo ra con ma để kể lại cho Bà nghe, và Bà nói lại cho người khác nghe, chứ con "ma tưởng" của Bà không thể nói cho người khác nghe được mà mượn thân miệng Bà nói lại. Trường hợp này cũng giống như lên đồng, nhập cốt, nhưng lên đồng, nhập cốt thì thân lúc lắc hoặc ợ, ngáp, v.v.. còn Bà Vôga thì rất tự nhiên, vì Bà bị mù mắt, nên Bà thường sống với tưởng thức của mình nhiều hơn ý thức.

Ở đây chúng ta nên hiểu, tưởng của Bà giao cảm với người chết rồi mượn thân miệng bà nói lại cho người khác biết.

Ví dụ: Thân miệng của Bà làm thông ngôn cho tưởng ấm của Bà để nói lại cho chúng ta biết những gì đã xảy ra của một người đã chết từ lâu hay mới chết, chứ không phải có con ma thật nào nhập vào Bà.

Do đó, Đức Phật đã xác định: ***"Thế giới siêu hình là thế giới của "tưởng tri" chứ không phải là "liễu tri".*** Vậy các con hãy tin theo lời Phật dạy: Thế giới siêu hình không bao giờ có chỉ là tưởng tri của con tạo dựng ra. Các con nên cảnh giác đừng để mắc lừa người khác.

NĂNG LỰC CỦA TƯỞNG

Câu hỏi của Đào Thị Vinh

Hỏi: *Kính thưa Thầy, người ta vì bốc mả người chết mà đổ nước vào trong quan tài khấn vài câu, xương nổi lên mặt nước hết vì sao? Xương bốc bỏ vào tiểu đầy không hết, đậy nắp không được, nhưng nếu khấn vài câu tự nhiên xẹp xuống và đậy nắp kín. Con kính mong Thầy giải thích cho con được rõ?*

Đáp: Từ nhỏ còn bé cho đến hôm nay tuổi Thầy đã gần đất xa trời mà chưa có một lần đi bốc mả, vì miền Nam không có tục lệ như miền Bắc. Do đó, Thầy không có dịp trực tiếp quan sát những sự việc xảy ra khi bốc mộ, nhưng theo sự suy tư của Thầy có hai trường hợp xảy ra:

1/ Về khoa học xương người chết, nước và không khí có tác dụng khoa học, khiến xương nổi lên và xẹp xuống.

2/ Về phần tâm linh thuộc về tưởng ấm. Khi tâm thành khấn thì năng lực tưởng của người khấn phát tác, khiến cho xương nổi lên và xẹp xuống đậy kín nắp tiểu.

Ở đây, chúng ta đừng hiểu theo kiểu mê tín có linh hồn người chết khiến cho xương nổi lên, xương nổi lên cần gì phải đổ nước vào quan tài? Nếu khấn mà linh thiêng thì khấn cho tất cả xương đều bay vào tiểu, cần gì người ta phải lượm xương chất vào tiểu.

Tất cả những sự việc trên đây mà con hỏi cũng đã khiến cho người ta phải tin rằng có thế giới siêu hình có thật. Vì không ai hiểu và giải thích được của một năng lực tưởng của người còn sống siêu thời gian và không gian.

Vì thế, chỉ có những người tu hành đúng chánh pháp của Phật vượt không gian và thời gian thì mới thấu rõ được năng lực của tưởng của người còn sống thật là vi diệu.

Từ xưa đến nay, loài người và các tôn giáo đều không hiểu rõ năng lực của tưởng nên lầm lạc cho đó là thế giới siêu hình. Vì thế, mà thế giới siêu hình được duy trì và tồn tại sống mãi đến ngày hôm nay. Mặc dù dân trí của loài người nhờ khoa học nâng lên tầm hiểu biết khá sâu rộng, tuy chưa hoàn chỉnh nhưng cũng tiến bộ rất xa... Sự tiến bộ này đã bắt đầu làm rung chuyển thế giới siêu hình. Cho nên, một số hệ phái Phật giáo phát triển sẽ không còn lừa phỉnh được ai.

Rồi đây, thế giới siêu hình hoàn toàn bị triệt tiêu trên hành tinh này do các nhà khoa học và đạo đức học. Và loài người không còn bị lừa đảo bởi thế giới siêu hình này nữa.

CÂU CHUYỆN LIÊU TRAI

Câu hỏi của Đào Thị Vinh

Hỏi: *Kính thưa Thầy, người ta bảo trần sao âm vậy. Vì người ta từng đi "tem" qua chỗ tha ma người ta thấy họ cũng họp chợ lao xao tiếng nói như người. Vậy như thế nào? Xin Thầy dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Đây là câu chuyện Liêu Trai mà người ta đã chịu ảnh hưởng tư tưởng của Bồ Tùng Linh. Những chuyện Ma của Bồ Tùng Linh là một tư tưởng phi không gian và thời gian có nghĩa là không có sự chết mà chỉ có một sự hiện hữu trong cuộc đời này bằng hai mặt: sắc và vô sắc.

Với đôi mắt của Bồ Tùng Linh thế giới hữu hình và thế giới siêu hình chỉ là một, chứ không hai. Do thế một tiểu thư con gái nhà quan đã chết hơn trăm năm mà vẫn thành chồng vợ với một cậu thư sinh mới mười tám tuổi.

Vì thế, sự họp chợ ngoài nghĩa địa tha ma là một sự tưởng tượng phi không gian và thời gian của nhà văn Bồ Tùng Linh.

Chúng ta phải đứng trong góc độ của ý thức xây dựng cho mình một nền đạo đức chân thật để mang hạnh phúc an vui cho mình cho người, đừng nên sống trong sự tưởng tượng của Bồ Tùng Linh, nó không lợi ích thiết thực mà chỉ là một giấc mơ ảo huyền, đôi khi còn ám ảnh tâm hồn của chúng ta trong thế giới ma.

Nếu chúng ta không hiểu ý nghĩa của Bồ Tùng Linh thì cái thế giới tưởng siêu không gian và thời gian này sẽ mang cho chúng ta một sự mê tín rất lớn và còn đem tai hại cho đời sống của chúng ta nhiều khổ đau hơn là hạnh phúc.

Là một con người chúng ta phải sống chân thật cho mình, đừng sống trong ảo tưởng, mà phải sống trong nền đạo đức nhân bản - nhân quả, không làm khổ mình, khổ người, để khắc phục những nỗi khó khăn của kiếp làm người. Những nỗi khó khăn đó đang chờ đợi chúng ta ở phía trước.

SỐNG LÀ TU

Câu hỏi của Liễu Thiện

Hỏi: *Kính thưa Thầy, sống là tu, tu là sống như thế nào?*

Đáp: Thường người ta quan niệm tu hành, khác với cuộc sống. Khi tu phải lìa xa cuộc sống thế gian, không có sống chung với người thế gian, nghĩa là khi đi tu

thì phải cắt ái, ly gia, bỏ vợ, bỏ con, bỏ cả sự nghiệp, lìa xa gia đình, những người thân, ngay cả cha mẹ và anh em dòng họ, v.v.. Người tu hành phải thực hiện các pháp môn hằng ngày như: ngồi thiền, tụng kinh, niệm chú, niệm Phật, lạy hồng danh chư Phật, v.v..

Những pháp môn này không phải của đức Phật dạy mà của ngoại đạo khéo lồng vào giáo pháp của đức Phật để lừa đảo tín đồ Phật giáo.

Bước vào Đạo Đế tức là bước vào một chân lý trong bốn chân lý của đạo Phật. Mà Đạo Đế là pháp hành của đạo Phật dạy chúng ta để sống trong cuộc sống với mọi người thì làm gì có dạy chúng ta ly gia cắt ái, bỏ vợ, bỏ con, bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ gia đình sự nghiệp, v.v.. Khi bắt đầu vào tu theo pháp môn của đạo Phật thì Ngài dạy chúng ta phải sống đúng chánh kiến, nghĩa là hằng ngày chúng ta phải thấy và hiểu biết: Cái nào thiện thì biết là thiện, cái nào ác thì biết là ác; biết thiện thì tăng trưởng, vì thiện không làm khổ mình, khổ người; biết ác thì ngăn ngừa và diệt chúng để không làm khổ mình, khổ người. Người thấy và biết sống như vậy là tu tập chánh kiến.

Sống không làm khổ mình, khổ người là tu, mà người tu tập phải sống có chánh kiến như vậy, mà sống có chánh kiến như vậy tức là tu tập. Như vậy đạo Phật không có dạy chúng ta tụng kinh, ngồi thiền, trì chú, cúng bái, tế lễ v.v.. mà dạy chúng sống đúng Chánh kiến, sống đúng Chánh tư duy, sống đúng Chánh ngữ, sống đúng Chánh nghiệp, sống đúng Chánh mạng, sống đúng Chánh tinh tấn, sống đúng Chánh niệm và như vậy chúng ta sẽ sống đúng Chánh định tức là Chánh thiền định mà Chánh thiền định, tức là bắt đầu từ Sơ Thiền cho đến Tứ Thiền, mà Sơ Thiền tức là ly dục ly ác pháp, mà ly dục ly ác pháp tức là Chánh kiến.

Như vậy, không phải sống là tu hay sao? Và tu là sống không làm khổ mình, khổ người thì có đúng không? Cho nên, thiền định là cuộc sống mà tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ, chứ không phải thứ thiền định lìa cuộc sống, ***“Ngồi thiền”.***

Sự tu tập của đạo Phật không lìa cuộc sống, kẻ nào lìa cuộc sống ngồi thiền, tụng kinh, v.v.. thì tu hành không bao giờ có sự giải thoát. Xa lìa cuộc sống mà sống phạm giới, phá giới, thì có khác gì cuộc sống của người thế gian, thì người đó tu không đúng đạo Phật, mà đang tu theo ngoại đạo. Tu theo ngoại đạo thì sẽ rơi vào tà kiến, tà niệm, tà thiền, tà định, thì đời đời kiếp kiếp sẽ trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi.

CON NGƯỜI TỪ ĐÂU SANH?

Câu hỏi của Liễu Thiện

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Con người từ nhân quả sanh ra là sao? Nghĩa như thế nào? Sống trong nhân quả? Chết trở về nhân quả? Nghĩa nó như thế nào? Xin Thầy giảng cho chúng con được hiểu.*

Đáp: Con người từ nhân quả sanh ra có nghĩa là con người được sanh ra từ những hành động nhân quả thiện ác của môi trường sống.

Đức Phật dạy: ***"Vô minh"*** sanh ***"hành"***, ***"hành"*** sanh ***"thức".*** Vậy ***"thức"*** có được là nhờ ***"hành", "hành"*** có được là nhờ ***"vô minh"***. Do vô minh mới có những hành động lúc ác, lúc thiện; do hành động lúc ác, lúc thiện mới có làm khổ mình, khổ người, do hành động ác và thiện này mà sanh ra thức, do thức mới có danh sắc.

Trên đây là nói theo kinh sách, nói theo lời dạy của đức Phật, còn nói theo thực tế qua cái nhìn hiểu biết của ý thức, thì con người từ môi trường sống sanh ra. Trong môi trường sống gồm có đất, nước, gió, lửa, các chất khí và các từ trường, do sự vận hành của các chất khí và các từ trường mà tạo ra sự biến dịch thay đổi không ngừng của các vật thể, vì thế mà tạo các duyên tan hợp, nhờ các duyên tan hợp này mà vạn vật sanh ra.

Con người từ nhân quả sanh ra, chết trở về nhân quả, chứ không từ đâu sanh và cũng không về đâu. Đó là câu trả lời: "Con người từ đâu sanh ra và chết đi về đâu?".

Câu trả lời này rất cụ thể và dễ hiểu. Vì con người từ cát bụi và không khí (môi trường sống) sanh ra thì chết cũng trở về cát bụi và không khí (môi trường sống).

Nếu không có môi trường sống thì con người không thể sanh ra được, như mặt trăng, mặt trời và các hành tinh khác không có sự sống thì không có vạn vật sanh ra.

Sự sanh ra được vạn vật trong vũ trụ là nhờ sự vận hành của các duyên lúc hợp lúc tan; lúc hợp lúc tan, tức là có sự thay đổi. Sự thay đổi ấy đức Phật gọi các duyên là vô thường, hay các pháp vô thường đều có nghĩa này. Do các pháp vô thường và biết chắc chắn như vậy nên đức Phật xác định: ***"Mười hai nhân duyên khi tan rã thì không còn duyên nào cả, cũng như thân ngũ uẩn, khi một người chết thì không còn uẩn nào cả".*** Do đó, đức Phật lại còn xác định thêm: ***"Nếu các duyên dù còn một chút xíu như đất trong móng tay Ta thì Đạo Ta không ra đời, vì không giải khổ cho ai được hết".*** Do tánh chất vô thường thay đổi của các pháp, nên con người tu hành giải thoát được.

Ví dụ: Một người chửi mắng chúng ta, nhưng chúng ta không chửi mắng lại họ, không buồn tức giận họ, và còn khởi tâm thương họ, thì ngay đó nó đã thay đổi các duyên của các ác pháp đó trở thành các duyên cho các thiện pháp. Do tánh chất các pháp vô thường thay đổi như vậy nên chúng ta thấy được sự giải thoát một cách cụ thể và rõ ràng. Nếu các pháp không vô thường, cố định, hay nói cách khác là các pháp có tánh chất thường hằng thì không thể làm thay đổi được ác pháp thành thiện pháp được.

Ví dụ: Một người chửi mắng chúng ta thì chúng ta phải tức giận và chửi mắng lại họ. Nếu tánh chất các pháp thường hằng thì ác pháp này không thể thay đổi được, nếu thay đổi không được thì con người dù có tu hành cũng không thể giải thoát được.

Nếu các pháp không thể thay đổi được thì các pháp phải có bản thể thường hằng, nếu các pháp có bản thể thường hằng thì con người phải có đời sống sau khi chết, nếu có đời sống sau khi chết thì con người phải có linh hồn, có linh hồn thì thế giới siêu hình mới có.

Nếu thế giới siêu hình có thì phải có một ông vua của thế giới này, và ông vua của thế giới này thì phải là một đấng toàn năng, một đấng tạo hóa, một đấng toàn thiện v.v.. Mà là đấng tạo hóa, toàn năng, toàn thiện khi tạo tác ra con người và vạn vật thì con người và vạn vật phải là hiền lành không bao giờ giết hại và ăn thịt lẫn nhau.

Con người và vạn vật do đấng toàn thiện sanh ra thì phải thương yêu nhau, đùm bọc lẫn nhau, chứ có đâu giết hại lẫn nhau mà chẳng hề xót thương chút nào...

Do thế, chúng ta không tin thuyết này vì nó không thực tế, mơ hồ, trừu tượng, cho nên những tôn giáo xây dựng thế giới siêu hình đã lỗi thời, không thể còn lừa đảo được ai nữa, khi trình độ hiểu biết của con người được nâng lên theo sự tiến bộ của khoa học.

Cho nên, thuyết "nhân duyên" của Phật giáo là phù hợp, là thực tế, cụ thể như khoa học. Vì thế, không có một triết thuyết nào bài bác nó được, nó là một sự thật hiển nhiên của vạn vật trên hành tinh này đều do duyên hợp.

Mà đã do duyên hợp thì chỉ có môi trường sống mới có sanh ra vạn vật, từ loài rong rêu, cỏ cây cho đến các loài động vật nhỏ nhất như vi trùng, vi khuẩn, v.v..

Con người cũng là một loài động vật như bao nhiêu loài động vật khác nên cũng từ môi trường sống sanh ra. Vì thế, chúng ta khẳng định: ***"Con người từ nhân quả sanh ra, chết trở về nhân quả".***

TƯỞNG TRI VÀ THẬT TRI

Câu hỏi của Liễu Thiện

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Tưởng tri và thật tri nghĩa như thế nào?*

Đáp: Tưởng tri và thật tri khác nhau không giống nhau. Tưởng tri là sự hiểu biết qua tưởng thức, thật tri là sự hiểu biết qua ý thức.

Ví dụ: Một người chưa từng bao giờ thấy ma, nghe người ta nói ma, họ diễn tả con ma hình thù bằng cách này, bằng cách khác. Do sự tưởng diễn tả những hình ảnh của ma. Từ đó năng lực tưởng thức của chúng ta mô phỏng theo hình dáng đó xuất hiện, khiến chúng ta nhìn thấy con ma như thật. Cái thấy con ma thật sự như vậy gọi là tưởng tri.

Cho nên, cái thế giới siêu hình cũng do từ năng lực của tưởng tạo ra, chứ không phải có linh hồn người chết nhập vào người còn sống, mà chính người còn sống mới có năng lực tưởng tri của mình tạo ra. Chính năng lực tưởng tri của người đó đã nói chuyện với người đó.

Vì thế, các nhà ngoại cảm vẫn thấy có linh hồn người chết mượn xác thân mình nói chuyện với người còn sống.

Những sự hiểu biết như vậy qua tưởng thức như vậy gọi là tưởng tri.

Còn thật tri là sự hiểu biết qua ý thức, chắc quý vị ai cũng đều rõ. Khi chúng ta phân biệt mọi vật trước mắt mà hiểu được mọi vật đó một cách rõ ràng và cụ thể thì đó là thật tri.

Thật tri chính là ý thức của chúng ta đang sử dụng hằng ngày trong cuộc sống. Đó là sự hiểu biết phân biệt phải, trái, tốt, xấu, trắng, đen, dơ, sạch, thiện, ác v.v..

PHẠM HẠNH

Câu hỏi của Liễu Thiện

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Thân người do tâm ham muốn (dục) mà có. Do ái dục mà có sanh y. Muốn bước lên quả vị Thánh thì phải triệt tiêu ái dục, triệt tiêu ái dục thì phải triệt tiêu sanh y. Vậy triệt tiêu sanh y như thế nào? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Muốn triệt tiêu sanh y, tức là phải sống đúng đời sống giới luật của Phật, có nghĩa là sống đúng Phạm hạnh của một vị Thánh Tăng. Phạm hạnh của một vị Thánh Tăng như thế nào?

Chúng ta hãy nghe kinh dạy: ***"Cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, sống không gia đình, không nhà cửa, thiểu dục, tri túc, ba y một bát, tâm hồn trắng bạch như vỏ ốc, phóng khoáng như hư không"***. Đó là một lối sống triệt tiêu sanh y, lối sống giới luật, có sống đúng giới luật thì tâm mới ly dục ly ác pháp, tâm có ly dục ly ác pháp thì mới đoạn dứt sanh y, đoạn dứt sanh y thì tâm mới bất động trước các ác pháp.

Như vậy chúng ta thấy rõ ràng, muốn làm chủ sanh, già, bệnh, chết thì sanh y là cửa vào của chúng ta. Muốn bước vào cửa sanh y thì phải mở ống khóa giới luật. Cho nên, giới luật là một pháp môn vô cùng quan trọng cho người mới bắt đầu tu theo đạo Phật.

Nếu tu hành theo đạo Phật mà không nghiêm trì giới luật, thì tu hành chẳng ích lợi gì và còn phí công vô ích, uổng một đời tu chỉ có hình thức mà thôi.

Vì thế người cư sĩ tu theo đạo Phật, muốn làm chủ sanh, già, bệnh, chết thì phải Thọ Bát Quan Trai, một tháng ít nhất cũng phải có một ngày tu tập làm Phật, tức là một ngày giữ tám giới trọn vẹn.

Một ngày giữ tám giới trọn vẹn là một ngày lìa xa sanh y, lìa xa sanh y tức là lìa dục, lìa ái dục tức là giải thoát.

Vậy, giới luật là một pháp môn quan trọng nhất cho con đường giải thoát của đạo Phật, nếu ai tu theo đạo Phật mà phạm giới, phá giới, xem thường giới luật Phật, là tu theo ngoại đạo, tu theo tà giáo thì con đường tu tập để được giải thoát sẽ còn rất xa và xa biệt mù.

THẾ GIỚI SIÊU HÌNH KHÔNG CÓ

Bài viết của giáo sư Trần Phương

Vào ngày 17 tháng 6 năm 2000 chúng tôi có nhận được một tài liệu nói về thế giới siêu hình do cô Minh Châu đưa về. Muốn làm sáng tỏ vấn đề này thì chỉ có những người nhập được Tứ Thánh Định và Tam Minh của đạo Phật thì mới đủ khả năng giải thích cho mọi người rõ.

Dưới đây là một bài viết của Giáo sư Trần Phương ghi lại sự tìm kiếm hài cốt cô em gái của mình (một liệt sĩ). Người muốn nói lên những điều mắt thấy, tai nghe mà mình đã chứng kiến trên bước đường tìm hài cốt đứa em thân thương

của mình, nhưng không sao giải thích được, qua những việc làm của các nhà ngoại cảm.

Phải chăng có sự sống sau khi chết?

Nếu có sự sống sau khi chết, thì thế giới siêu hình là có thật. Và sự mê tín của con người sẽ không còn là mê tín nữa.

Vậy chúng ta hãy đọc: ***"TÌM HÀI CỐT LIỆT SĨ, MỘT HÀNH TRÌNH ĐẦY BÍ ẨN"*** của Giáo sư Trần Phương viết.

"Tôi có cô em gái, kém tôi hai tuổi (sanh năm 1929), tên là Vũ Thị Kính, thuở nhỏ gọi tránh là Cánh. Từ hồi kháng chiến chống Pháp được biết đến cái bí danh Trần Thị Khang. Cô tham gia cách mạng 16 tuổi, tỏ ra là một giao liên gan dạ, một cán bộ phụ vận có uy tín. Năm 1950 cô là Huyện Ủy viên của Đảng bộ Phù Cừ (ĐCSVN), Bí thư phụ nữ cứu quốc Huyện, người tổ chức chỉ huy đội nữ du kích Hoàng Ngân trong Huyện. Tháng 6 năm đó, địch bắt được cô từ hầm bí mật, đưa về bót La Tiến (bót đóng ngay trên bến đò La Tiến), là một bót khét tiếng tàn ác, một đồn binh lớn án ngữ phía Nam tỉnh Hưng Yên, phía Bắc tỉnh Thái Bình và phía Tây tỉnh Hải Dương. Chúng biết cô là ai, vì vậy đã dùng mọi cực hình tra tấn, hòng buộc cô khai báo và đầu hàng. Trước khí tiết không lay chuyển của cô, chúng đã giết chết cô và vất xác cô xuống sông Luộc. Sau ngày cô hy sinh, đội nữ du kích Hoàng Ngân của Huyện đã phát động: "Tuần lễ giết giặc, trả thù cho chị Khang". Chánh phủ đã truy tặng cô Huân chương kháng chiến hạng nhì.

Huyện Ủy và đội du kích Hoàng Ngân đã tổ chức đi tìm xác cô, nhưng không thấy. Đây là nỗi ray rứt xót xa của gia đình tôi suốt mấy chục năm. Mặc dù vẫn biết rằng người chết thì mọi nỗi đau cũng chấm dứt. Mẹ tôi hồi còn sống, thỉnh thoảng lại hỏi tôi: "có tìm thấy xác em không?". Tôi đành tìm lời an ủi: "Bao giờ chiến tranh hết, con sẽ tổ chức việc tìm kiếm, chắc là được mẹ ạ!". Nói thế mà lòng tôi muốn khóc, vì biết mình bất lực trước nỗi đau của mẹ. Cả một dòng sông Luộc mênh mông như thế trôi ra biển cả, biết tìm kiếm nơi đâu?

Mươi năm lại đây, nghe tin nhiều người tìm được hài cốt người thân, bằng gọi hồn, bằng ngoại cảm, bằng thấu thị. Tóm lại là bằng những phương pháp, được xem là thần bí, chưa ai lý giải được. Tôi vốn được đào tạo theo tinh thần khoa học thực nghiệm, cái gì chứng minh được mới tin là có, cái gì chưa chứng minh được thì dứt khoát không tin. Trong đời, tôi chưa bao giờ tin có linh hồn, Thần, Thánh, ma, quỷ. Ngay những ngày giỗ bố mẹ, tôi cũng không làm cơm cúng, không thắp hương, chỉ sửa một lọ hoa tươi để tự mình tưởng nhớ. Vậy mà khi nghe những tin trên, trong lòng tôi hé lên một niềm hy vọng mong manh: biết

đâu đấy? Nếu bằng phương pháp thần bí mà tìm được hài cốt em tôi thì có gì phải câu nệ? Miễn là có cái gì đó để nhận biết hài cốt ấy đúng là của em tôi. Và điều này mới chính là điều khó nhất. Sau hơn năm chục năm trôi dạt, hài cốt có còn gì không để nhận ra em tôi? Nếu còn thì may ra là còn được hàm răng không nhuộm đen. Nhưng thời đó, thiếu gì con gái không nhuộm răng đen? Đã có lần bạn bè mách bảo tôi một bộ hài cốt vô thừa nhận mà đặc biệt là hàm răng không nhuộm đen. Lúc đó, chính tôi đã phân vân: nhận một hài cốt mà trong lòng nghi hoặc, mỗi khi tưởng niệm thì có ý nghĩa gì? Còn khám nghiệm AND ? Đó là chuyện xa vời. Trong tình cảnh bất lực của chính mình và của khoa học thực nghiệm thì bất cứ phương pháp nào giải tỏa được nỗi ray rứt trong tôi và gia đình tôi đều phải được xem trọng. Nghĩ thế tôi bèn tìm cách tiếp cận các nhà ngoại cảm có tiếng tăm. Một số thông tin báo rằng hài cốt vẫn còn, nhưng chưa có ai chỉ rõ được nơi chôn cất.

Giữa lúc ấy thì tôi gặp chị Tuyết Nga là người đã nhờ ông Liên tìm được mộ bà mẹ bị giặc sát hại từ những năm 60. Chị khuyên tôi nên tìm đến bạn chị là anh Nguyễn Văn Nhã, một người nổi tiếng ở miền Nam, vì đã tìm thấy nhiều mộ liệt sĩ. Chị gọi điện cho anh Nhã, và ngay chiều hôm đó anh bay ra Hà Nội.

Sớm ngày hôm sau, ngày 25.7.1999, tôi gặp anh Nhã, anh chưa đến 50 tuổi, là một kỹ sư Hóa, Đảng viên, nhiều năm làm công tác ở đoàn viên thanh niên Cộng Sản thành phố Hồ Chí Minh. Theo anh nói thì anh mới có khả năng đặc biệt này từ trước Tết và không được ai huấn luyện cả. Anh đã vẽ hơn sáu trăm ngôi mộ, tỷ lệ trúng đạt sáu chục phần trăm. Có những trường hợp trúng đến mức chính anh cũng phải kinh ngạc. "Thông tin" đến với anh như thế nào thì anh vẽ như thế ấy. Còn thông tin từ đâu đến, trúng hay trật, đối với chính anh cũng là điều bí ẩn.

Trong căn phòng làm việc của tôi, không có hương khói gì cả, anh hỏi tôi và vợ tôi mấy thông tin đơn giản: Cô em tên là gì? Sinh năm nào? Hy sinh ngày tháng nào? Ở đâu? Người đi tìm tên là gì? Anh lại hỏi bến đò La Tiến thuộc xã nào? Huyện Phù Cừ thuộc tỉnh nào? Bến đò ấy có cây cầu không? (chứng tỏ anh không biết gì về vùng đất đó cả). Rồi anh lấy một tờ giấy to và mấy cây bút màu ra vẽ bản đồ, vẽ một cách thư thả, lưu loát, không gạch xóa gì cả. Mọi việc chỉ diễn ra trong vòng mười phút.

Nhìn vào bản đồ, tôi thấy anh vẽ con sông uốn lượn đường to đường nhỏ giao nhau, rồi ghi: từ bến đò La Tiến đi về hướng Đông Nam thấy một trường học đi chừng 1 km6 thì đến một ngã tư, phía trái ngã tư thấy một quán tạp hóa có cửa màu xanh dương, lúc đó rẽ tay phải, thấy một cái đình, đi chừng một km thì rẽ trái vào một con đường nhỏ, đi chừng 60 mét thì rẽ phải, đi chừng 45 mét nữa

thì đến mộ. Mộ nằm trên đất cô Nhường 47 tuổi đối diện với mộ về hướng Tây là quán ông An 56 tuổi. Mộ chôn về hướng Tây, cách một gốc cây độ 4 mét, trên mộ có một khúc cây dài 4 tấc, một cục gạch vỡ màu nâu đỏ và năm cây cỏ dại có hoa màu tím nhạt.

Rồi anh hỏi tôi: Bao giờ thì đi tìm mộ? Tôi trả lời: Để chuẩn bị thì cũng phải 2 tuần nữa. Anh nói chậm quá, nên đi sớm. Tôi quyết định: 3 ngày nữa thì đi. Anh nói: tôi phải cho anh một tín hiệu để dễ tìm. Hai con bướm nhé? Tôi nói: Hai con bướm thì sợ khó tìm. Anh ngẫm nghĩ mấy giây rồi nói: Vậy thì một bé gái nhé? Rồi anh ghi tiếp vào tấm bản đồ 13h30 ngày thứ tư 28 tháng 7 sẽ có một bé gái chừng 11 tuổi, mặc áo hoa xanh đến gần mộ (Tôi thật không hiểu anh làm cách nào mà điều được cho tôi một cô bé đến vào ngày đó, giờ đó) rồi anh dặn: Nếu anh đến sớm thì năm cây cỏ dại có 10 bông hoa tím, nếu anh đến muộn thì chỉ còn 5 bông.

Ngạc nhiên quá tôi hỏi anh: Anh không biết gì về vùng đất đó cả, vậy dựa vào cái gì mà anh vẽ ra tấm bản đồ chi tiết như vậy?

Anh nói: Tôi thấy trong đầu tôi hiện ra như thế nào thì tôi vẽ như thế nấy tôi cũng chẳng hiểu nữa.

Tôi lại hỏi: Còn những tên người kia? Tại sao gọi là đất cô Nhường, là quán ông An?

Anh nói: Tôi thấy trong tai tôi như có âm thanh ấy có thể là Nhương, Nhường, Nhượng gì đó, cũng có thể là 47 tuổi hay 87 tuổi, còn An thì cũng có thể là Am. Anh còn dặn thêm: Có thể phải xem cái bản đồ này từ âm bản. Lời dặn này, lúc ấy tôi không để ý lắm.

Vẽ bản đồ trao đổi trong vòng nửa tiếng xong, anh Nhã chia tay tôi, để vội vã bay về thành phố Hồ Chí Minh, nơi anh đang phải điều hành một công ty tư vấn.

Về phần tôi, tin hay không tin thì vẫn phải làm theo chỉ dẫn của anh. Còn có cách nào khác đâu?

Tìm mộ ngày thứ nhất.

Đúng hẹn ngày 28 tháng 7 cả gia đình tôi phóng về bến đò La Tiến, cách Hà Nội chừng 100 km. Chúng tôi chia nhau làm nhiều ngả, đối chiếu với bản đồ mà tìm. Tất cả các ngả đều không tìm được những dấu hiệu khớp với bản đồ, trừ một ngả hướng thẳng vào giữa làng La Tiến, hướng này do anh Đạt, một cán bộ về hưu có cái quán giải khát ở bến đò, chỉ dẫn. Khi xem bản đồ, cụ Yến, cũng đang ngồi ở quán giải khát nói: Cái bản đồ này vẽ theo đường ngày xưa, ang áng như

bây giờ thôi, có mấy đoạn đã được nắn lại. Tuy nhiên, đường từ bến đò đến nơi ghi là phần mộ lại rất ngắn, chỉ bằng một phần ba cự ly ghi trong bản đồ. Tôi dùng điện thoại di động hỏi anh Nhã, anh trả lời: miễn là tìm thấy các dấu hiệu đã ghi, nhất là 4 dấu hiệu nơi phần mộ, còn cự ly thì có thể là do anh ước lượng không chính xác.

Lần theo hướng ghi trên bản đồ và các dấu hiệu trên đường (trường học, đình, quán tạp hóa có cửa màu xanh nước biển, đến ngã tư rẽ phải, rồi rẽ trái, rồi lại rẽ phải tất cả đều đúng) chúng tôi đến đất nhà anh Điển, một nông dân kiêm thợ nề trên 60 tuổi. Cả hai vợ chồng đều gầy gò ốm yếu nhưng tốt bụng. Ông bà sẵn sàng cho chúng tôi tìm bới hài cốt liệt sĩ, mặc dù không tin rằng đất trong đê lại có thể có hài cốt liệt sĩ. Ông bà Điển cũng như nhiều người khác đều chỉ chúng tôi ra dải đất bãi phía ngoài đê, cạnh vụng Quạ (gọi thế là vì có nhiều quạ bay tới vụng để ăn xác chết bị cuốn vào vụng) mà từ nhà ông Điển nhìn ra thì về hướng Đông, chưa đến nửa cây số cạnh vụng quạ, vẫn còn ba cái mộ vô thừa nhận. Chúng tôi đến đó xem xét rất kỹ, nhưng không thấy một dấu hiệu nào như anh Nhã đã cho, đành quay về nhà ông Điển, theo đúng bản đồ.

Giữa mảnh đất rộng chừng hai sào, có một ngôi nhà gạch hướng Đông Nam, trước nhà là sân gạch tường hoa, một dải vườn đẹp lơ thơ mấy vạt dây lang rồi đến một cái ao to. Tiếp đó là đường làng, một cái đầm sen mênh mông, rồi đến con đê sông Luộc chạy dài từ Tây sang Đông. Sau nhà là một vườn chuối được dọn sạch sẽ, không một ngọn cỏ. Đầu hồi phía Đông là đường vào ngôi nhà. Vậy chỉ còn tìm kiếm ở đầu hồi phía Tây. Vườn ở phía này rộng, trồng táo và mít um tùm, dưới gốc đầy cỏ dại, toàn một loại có hoa bằng hạt thóc, màu tím nhạt. Tìm một ngàn cây thì được, chứ tìm 5 cây thì biết chọn cây nào? Còn cành cây khô và mảnh gạch vỡ thì bừa bãi, đâu cũng có. Sục tìm một hồi lâu, chúng tôi đành thất vọng quay ra.

Đứng trước cửa nhà, nhìn về chân đê sông Luộc, chệch về phía Tây, là ngôi nhà của anh An, 45 tuổi nhà xây bằng gạch để ở, chứ không bày biện như một quán hàng. Anh cho biết vợ anh có một gian quán bán lòng lợn ở chợ La Tiến, hàng ngày gánh hàng đến đó, nhưng có ai cần mua tại nhà thì vẫn dành lại để bán. Như vậy thì nhà anh có đáng gọi là một quán hàng không? Tôi phân vân như cứ tạm cho là được đi.

Còn đất bà Nhường? Cả làng không có ai tên là Nhường hay Nhượng. Chỉ có một bà tên là Nhương, khoảng 70 tuổi. Bà này thì tôi biết vì cùng hoạt động với em gái tôi. Chính Bà mấy năm trước, thông qua Bà Tiến, đã nhắn tôi về nhận một bộ hài cốt vô thừa nhận mà căn cứ vào hàm răng trắng, Bà cho là hài cốt của cô Khang.

Dấu hiệu dẫn đến ngôi mộ thì có đủ, nhưng dấu hiệu của chính ngôi mộ thì không thấy. Tôi đành chờ đến 13h30. Vào giờ này, giữa trưa hè oi ả, giữa cái làng hẻo lánh giáp đê sông Luộc này thì kiếm đâu ra một bé gái mặc áo hoa xanh? Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn chia nhau đón các ngả đường dẫn đến nhà ông Điển. Đường sá vắng tanh. Cả vùng như ngừng thở với ánh nắng chói chang.

Quá 10 phút rồi 15 phút. Bỗng một tốp thiếu niên ồn ào đạp xe từ cuối làng tới. Nhưng tất cả đều là con trai. Mấy phút sau, có một tốp con gái cũng từ cuối làng đi bộ tới. Chúng tôi giữ các em lại hỏi thăm. Các em chỉ nhà bà Nhương ở gần ngã tư, sau cái đình. Ba em hăng hái dẫn chú em tôi tới đó, còn một em không muốn mà đứng lại. Em mặc áo màu xanh lá cây, có hai bông hoa to in trước ngực em khai tuổi 15, nhưng vóc người thì nhỏ hơn tuổi. Hỏi về những ngôi mộ vô thừa nhận, em chỉ mấy ngôi ở vườn chùa ngay cạnh đó đây là mộ của những người chết đói năm 45. Em lại chỉ 3 ngôi mộ ở phía ngoài đê, cạnh vụng quạ. Chúng tôi đã đến đó vào sáng nay. Em đứng lại với chúng tôi chừng nửa tiếng bên bờ cái ao to trước nhà ông Điển mà không có mục đích gì cả, phải chăng đó là tín hiệu mà ông Nhã điều cho tôi? Nhưng khai thác được gì ở em thì không được gì cả.

Xế chiều gần như mất phương hướng, tôi lại gọi điện cho anh Nhã. Anh hỏi: Có thấy cái lạch nước không? Có thấy cái cống không? (dường như từ Sài Gòn, anh nhìn thấy những cái đó!) rồi anh bảo tôi đi tìm ngôi nhà mà 4 mặt đều sơn màu trắng lốp, trước nhà đầy hoa đỏ.

Cái cống lớn xây bằng gạch cạnh đất chùa, kế nhà ông Điển, thì chính tôi đã ngồi trên đó để hỏi chuyện bé gái. Còn cái lạch nước, hỏi ông Điển hồi lâu mới biết: ba chục năm trước đây, chính cái đầm sen là một vùng ruộng trũng ở giữa có một con đường bờ vùng chạy song song với một con lạch, dẫn nước qua cống của chùa vào vùng ruộng mạ mà nay là đất ở của ông và mấy nhà chung quanh. Cuối những năm 60, để lấy đất bồi đắp con đê sông Luộc, người ta đã biến vùng ruộng trũng thành cái đầm sen bây giờ, nó chạy dài gần một cây số ven đê và ruộng vài trăm mét. Con đường và cái lạch nước cũng biến mất trong lòng cái đầm sen ấy.

Chúng tôi ngó nghiêng khắp làng để tìm "ngôi nhà mà 4 mặt đều sơn màu trắng lốp". Chẳng có cái nào cả, mọi nhà đều quét vôi vàng hoặc xám. Bỗng anh Tân Cương (một cộng sự của tôi đã từng nhiều lần đi tìm mộ) chỉ vào cái quán bên đường, hay là cái này? Đó là cái quán nước mà chúng tôi vẫn qua lại từ sáng đến giờ. Quán nhỏ và thấp lè tè, xây bằng gạch, đủ kê một cái giường và một cái chõng bày bán mấy gói kẹo và mấy chai nước ngọt. Quán mới xây, cả bốn

mặt đều quét vôi trắng xóa. Một cái quán nhỏ cũng có thể xem là một cái nhà được chứ? Tạm cho là như vậy. Nhưng còn hoa đỏ? Tìm tòi hồi lâu, anh Tân Cương chỉ cho tôi cái đầm sen trước mặt. Giữa mùa hè, đầm sen là cả một biển hoa đỏ có thể là như vậy chăng?

Chủ quán là một bà lão hom hem. Nhà cụ giáp nhà ông Điển, về phía Tây, cụ xây cái quán ngay cạnh đường làng, lối đi vào nhà cụ mà cũng là một cái bờ ao nhà ông Điển. Hỏi tên tuổi thì cụ cho biết tên là Mân đó là tên chồng, còn tên thật của cụ là Nguyễn Thị Nhờ, năm nay 81 tuổi.

Sục sạo đến tối mịt, chúng tôi đành quay về Hà Nội. Tôi gọi điện cho anh Nhã. Anh bảo tìm được cái quán trắng làm mốc là tốt rồi. Cự ly so với bến đò có gần hơn, không sao. Có trường học, có ngã tư, có quán màu xanh dương, có cái đình rồi. Có cái cống không? (tôi báo cáo cho anh biết kết quả điều tra được). Anh động viên: nên tìm kiếm liên tục. Hôm nay chưa thấy thì ngày mai lại đi. "Chỉnh mộ là một quá trình vất vả lắm đấy, không thể một lần mà trúng ngay được".

Rồi anh chỉ dẫn cho tôi ngày mai làm gì ?

Tám giờ sáng phải có mặt ở cái quán trắng. Tôi hoặc con tôi (phải là người ruột thịt của cô Khang) thắp 20 nén hương ở lối đi bên cạnh. Khoảng 8 giờ rưỡi, có một con chó vàng nâu đến cách đó chừng 10 mét, nó nhìn mình xem mình có đi theo nó không, hãy đi theo nó, giữ một khoảng cách. Nó sẽ đi hơn 100 mét, rồi dừng lại, ngửi và bới. Nhớ lấy chỗ đó, rồi quan sát, tìm những dấu hiệu phần mộ như đã ghi trên bản đồ.

Nếu tín hiệu trên không xuất hiện thì chờ đến 8 giờ 30 - 9giờ tìm kiếm quanh vùng sẽ thấy một con chó vàng nằm một chỗ như ốm. Đánh dấu lấy chỗ đó mà đào. Đào thấy thì con chó sẽ hết ốm. Khi nào thấy tín hiệu thì gọi điện lại để anh chỉ dẫn tiếp.

Tìm mộ ngày thứ hai.

Chúng tôi lại đến làng La Tiến, làm đúng những việc mà anh Nhã dặn. Chúng tôi chia nhau đi các ngả để xem có con chó vàng nâu nào tiến về phía quán trắng không. Quá 8 giờ 30 mà không thấy tín hiệu thứ nhất xuất hiện, chúng tôi bèn chia nhau đến các nhà quanh vùng. Nhà nào cũng nuôi chó vàng, thấy người lạ vào là chúng nhảy ra sủa inh ỏi, không có con nào nằm một chỗ như ốm. Cô em tôi mấy lần vào ra nhà cụ Nhờ, ngó nghiêng mọi xó xỉnh cuối cùng, cô phát hiện thấy phía sâu bên trong gian nhà phụ, dưới gậm giường, có một con chó vàng nằm ệp. Chúng tôi lần lượt vào ngó, nhưng nó vẫn nằm im, chỉ ngước nhìn mà không sủa. Hỏi chủ nhà thì biết nó chửa, chê cơm mấy hôm nay. Tôi liền điện

cho anh Nhã. Anh bảo: Tìm kiếm trong vòng bán kính 10 mét xem có những dấu hiệu phần mộ không.

Từ chỗ con chó nằm, tôi vạch một vòng tròn có bán kính 10 mét. Hầu hết vòng tròn bao lấy nhà và sân gạch của cụ Nhờ, chỉ một mẩu nhỏ lấn sang dải vườn hẹp trước tường hoa nhà ông Điển. Dải vườn này, hôm trước chúng tôi đã đi qua mà không thèm để ý đến mấy vạt rau lang. Hôm nay tập trung vào một diện tích hẹp, anh Tân Cương là người đầu tiên phát hiện ra một gốc cây đổ vùi lấp dưới lớp dây lang, gốc cây to bằng bắp chân, dài hơn gang tay, nằm sát đất, trên thân cây lơ thơ mấy cái chồi cằn cỗi. Ông Điển cho biết đó là cây nhót mà ông đã chặt đi năm ngoái, nhưng chưa kịp đánh gốc. Cách gốc cây nhót về hướng Đông chừng hai mét, chúng tôi thấy ngay nửa viên gạch vỡ màu nâu đỏ nằm cạnh một cành cây khô to bằng cổ tay, dài nửa mét. Nhìn tiếp về hướng Đông chừng 3 mét nữa, dưới tán cây cam thấp lùn, chúng tôi reo lên khi thấy cả một dãy cây hoa màu tím nhạt vượt lên đám rau lang, đếm được đúng 5 gốc mỗi gốc mang hai bông hoa to và dài bằng ngón tay. Cây hoa mọc theo một đường thẳng dài 3 mét từ tường hoa ra phía bờ ao. Ông Điển cho biết mấy năm trước ông trồng làm cảnh, sau chán, vất ra vườn.

Sau khi soát xét lại kỹ càng, tôi gọi điện cho anh Nhã. Anh bảo: Từ gốc cây đổ đến dãy hoa tím, vẽ thành hình tam giác, rồi đứng vào giữa, đánh dấu lại. Lấy một chiếc đũa cắm vào chỗ đó, rồi tự tay tôi (phải là người ruột thịt) đặt một quả trứng lên đỉnh chiếc đũa, nếu quả trứng nằm im là đúng. Nếu quả trứng không nằm im thì cắm chiếc đũa lùi ra nửa mét.

Bà Điển vội vã rút từ ống đũa cho tôi một chiếc, rồi chạy vào ổ gà lấy quả trứng mới đẻ. Nhìn chiếc đũa tre còn mới, tôi thầm nghĩ: Nghèo quá, đến chiếc đũa tre cũng khẳng khiu! Với chiếc đũa này, lão Nhã đánh đố mình đây. Rồi tôi suy luận: Chẳng lẽ xác cô em mình lại có sức hút mạnh hơn trọng lực trái đất ư ? Vấn đề chỉ là ở chỗ ngắm cho thật cân và không được xúc động!

Tôi loay hoay mãi với quả trứng. Ngắm nghía thật lâu rồi mới đặt xuống nhiều lần như vậy. Đặt nằm rồi lại đặt đứng. Nó vẫn lăn bo xuống đất. Người tôi vã mồ hôi. Mấy chục người chung quanh dán mắt vào quả trứng như nín thở, tôi nghĩ chỉ tại cái đũa chết tiệt ! Tiết diện nhỏ quá mà lại không phẳng, tài gì mà đặt được quả trứng cho cân!

Tôi bèn lùi lại nửa mét, mặt vẫn hướng vào tường hoa. Cắm chiếc đũa thật thẳng rồi nhẹ nhàng đặt quả trứng xuống như mọi lần. Kỳ lạ quá, nó nằm im trên đầu đũa, tựa như có chất keo gắn vào đầu đũa. Tôi không tin có sự can thiệp của cô em tôi (vì làm gì có linh hồn mà can thiệp? Mà nếu có thì linh hồn đâu phải là một lực tác động vật chất?) nhưng vẫn thở phào nhẹ nhõm vì nếu

không qua được thử thách này thì không thể đi tiếp bước sau.

Tôi gọi điện cho anh Nhã. Anh bảo: Lấy quả trứng làm tâm, vẽ một hình chữ nhật dài 2 mét, rộng 1 mét 2 rồi đào sâu xuống 1 mét 5 cho đến lớp cát đen. Hài cốt không nằm sâu hơn lớp cát đen đó.

Lúc ấy đã gần trưa. Chúng tôi tạm nghỉ, ra bến đò La Tiến ăn cơm hàng. Trời đang nắng gắt bỗng ập xuống một cơn mưa như trút nước kèm theo gió to kéo dài gần một tiếng. Chúng tôi bảo nhau phen này thì đền quả trứng của bà Điển thì cái chắc. Khi quay về thì lạ quá, quả trứng vẫn yên vị trên đầu chiếc đũa chẳng lẽ khi mưa, bao giờ cũng có hai giọt nước rơi cân bằng xuống hai đầu quả trứng? Còn gió to nữa, chẳng lẽ nó không tác động gì đến quả trứng?

Để chuẩn bị cho thợ đào đất, tôi gỡ quả trứng ra khỏi chiếc đũa hai tay tôi cảm nhận thấy một sức hút nhẹ. Phải chăng nước mưa đã làm giãn hở vỏ trứng và chiếc đũa tre, khiến cho quả trứng gắn chặt vào đầu đũa?

Hai tốp thợ thay nhau đào. Sâu 1,2 mét thì hết lớp đất màu nâu là lớp "vượt thổ", đến lớp bùn đen pha cát, vừa đào, chúng tôi vừa soát xét từng xẻng đất đào lên xem có hài cốt không? đến độ sâu 1,5 mét vẫn không thấy gì cả.

Tôi gọi điện cho anh Nhã. Anh bảo: Phát triển về hướng Nam và đào sâu thêm 4 tấc nữa. Chiều rộng của cái hố được mở thêm nửa mét ra phía bờ ao và đến tối mịt thì chiều sâu đạt tới 2,8 mét. Vẫn không thấy gì cả. Chúng tôi quay về Hà Nội.

Tôi gọi điện cho anh Nhã. Anh bảo: Thử đào sâu thêm vài tấc nữa. Thực ra thì cái hố đã được đào sâu quá mức ấy rồi. Tôi cảm thấy "thầy" đã hết phép. Mặc dù vậy, tôi vẫn quyết định ngày mai đi tiếp.

Tìm mộ ngày thứ ba.

Qua hai ngày, dậy từ bốn giờ sáng, mãi 11 giờ khuya mới về đến nhà, cái tuổi 72 của tôi đã cảm thấy đuối sức. Tôi ủy nhiệm cho các con cùng bà chị tôi và anh Tân Cương đi tiếp. Tôi dặn: Không đào sâu thêm nữa làm gì, chỉ soát lại đống cát đen đào xới lên, họa may tìm thấy mảnh hài cốt nào thì đem về, nếu không thì thu dọn chiến trường mà về. Họ làm đúng như thế.

Thấy chúng tôi không thu được kết quả gì, nhiều cụ già, nhất là các cụ về hưu, xúm lại bài bác: Đã bảo mà! Tìm ở ngoài đê, quanh cái vụng Quạ thì không lại đi tìm ở trong đê! Làm gì có xác trôi sông vượt qua được con đê để vào tận trong đồng! Chị Tiến và chị Nhương cũng có mặt, hai chị khuyên chúng tôi nhận lấy bộ hài cốt răng trắng chôn ở góc đa phía trên bến đò.

Duy có anh Thìn, con cụ Giám, hiện là Hiệu Trưởng trường cấp hai, thì nói: bố anh hồi ấy có vớt được ba cái xác hai nữ một nam- kéo qua đê, rồi chôn ở cánh đồng này. Cụ Giám, theo dân làng nói, là người rất nghèo (làm nghề đơm đó và đánh dậm) nhưng bạo gan, nhà ai có việc đào huyệt, bốc mộ thì đều nhờ đến cụ, cả những cháu bé bị chết, cụ cũng sẵn sàng vác lên vai đem đi chôn giúp. Từ hồi kháng chiến chống Pháp, có nhiều xác chết nổi lên ở vụng Quạ, làng cũng giao cho cụ vớt lên chôn cất. Cụ Yến xác nhận rằng cụ Giám được làng phụ cấp để làm việc đó, nếu có xác chết chôn ở đây thì chỉ là nhờ tay cụ Giám thôi. Cụ Trọng thì nhất quyết bài bác: làm gì có chuyện đó! Anh Thìn đưa ra thông tin trên là đưa vào tiết lộ của cụ Giám, nhưng cụ Giám thì mất cách đây 18 năm. Hồi còn sống, cụ đã được tặng bằng khen vì những thành tích trong kháng chiến chống Pháp.

Tôi gọi điện cho anh Nhã. Anh nói: Nghe gia đình đã báo cáo tìm thấy đủ các dấu hiệu thì tôi cũng tin, tuy rằng cự ly có phần không đúng. Bây giờ thì phải lật cái bản đồ mà xem từ âm bản. Tôi hỏi: Như vậy có nghĩa là phần mộ sẽ nằm ở bên kia sông, tức là trên đất Thái Bình? Anh nói: Phải vậy đó. Rồi anh dặn tiếp: Phải tìm đến một cái vụng xoáy, "một cái vụng do nước xoáy vào bãi sông mà tạo thành" ở đó có một xóm mới, dân mới ra ở đó khoảng hai chục năm, trong đó có cô Nhường, có ông An. Mộ nằm trên đất cô Nhường, trên mộ vẫn những dấu hiệu như đã chỉ.

Tìm mộ ngày thứ tư và thứ năm.

Các con tôi, vốn đã không tin vào phương pháp thần bí, đều không muốn đi tiếp. Các lão già (chị và các em tôi) thì đều đã mệt mỏi. Chỉ có anh Tân Cương là vẫn vững lòng tin, vì chính anh đã nhờ vào các nhà ngoại cảm mà tìm được mồ mả gia tiên. Anh nhận giúp tôi tìm kiếm tiếp. Anh cùng anh Đạt vượt bến đò La Tiến sang đất Thái Bình, đi dọc sông để tìm cái vụng xoáy, chốc chốc lại gọi điện thoại di động về. Xế chiều, cách bến đò La Tiến chừng 8 cây số, một cụ già bảo anh: phía Thái Bình không có vụng xoáy đâu. Vì nước sông ở đoạn này quật sang đất Hưng Yên. Cụ chỉ sang vụng bà Khán Mỹ bên kia sông. Gọi thế là vì bà Khán Mỹ nhiều năm sinh sống trên vụng đó bằng thuyền đánh cá. Vậy là lại phải qua sông để trở về đất Hưng Yên. Cạnh vụng bà Khán Mỹ. Trên đất bãi có một xóm mới, trong đó có một chị tên là Nhường, có một anh tên là An có mấy ngôi mộ vô thừa nhận, nhưng chẳng có dấu hiệu nào khớp với bản đồ mà anh Nhã đã cho.

Anh Tân Cương đi tiếp một ngày nữa, từ vụng bà Khán Mỹ ngược lên vụng Quạ. Nơi nào có mộ vô thừa nhận là anh đến. Nhưng chẳng đâu tìm thấy đủ những dấu hiệu mà anh Nhã cho.

Cuộc tìm kiếm theo đủ mọi hướng đến đây xem như tắc tị. Cái tính hoài nghi khoa học vốn có của tôi trỗi dậy: Tôi nghĩ: Lão Nhã này, hắn đánh đố mình! Hắn bày ra cả một "trận đồ bát quái", nào là dấu hiệu, tín hiệu, tên người và tên đất, rồi bảo mình phải đi tìm cho đủ. Lục tìm cả cái đất nước này, chưa chắc đã có nơi nào khớp được với cái trận đồ bát quái của hắn!

Nghĩ thế rồi tự trách mình là vô lý. Đã chấp nhận đi theo "thầy Nhã mà tỷ lệ trúng mộ chỉ đạt 60% thì lý gì lại thắc mắc khi trường hợp của mình rơi vào 40% kia?". Đã chấp nhận tìm đến con đường thần bí như nguồn hy vọng cuối cùng thì lý gì lại đòi hỏi phải lý giải cái "Trận đồ bát quái kia?"

(còn tiếp)

Nguồn: Đường về Xứ Phật Tập 3 - Nhà xuất bản Tôn giáo

Tác giả: **Trưởng lão Thích Thông Lạc**